VP
20/9/3

Nhâm-Thân—Số 1

1er Septembre 1932

AN-NAM TẠP-CHÍ

Ra ngày 1 và 15

Chủ-bút : Nguyễn-khắc-hiếu

Mỗi số giá 0$15

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
DEPOT LÉG
INDOCHINE
No A.509

安南誌



ĐỊA BÁO :
(Rédaction et Administration)
5 Rue du Coton
HANOI

IN TẠI :
Châu-Tịnh Ấn-Quán
(Imp. du Nord-Annam)
VINH

CENTR.
HANOI
119
AN-NAM TẠP-CHÍ
安南雜誌

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

AN-NAM TAP-CHI

CÁC THƠ VĂN LAI-CẢO	CÁC MANDAT TRẢ TIỀN
xin đề gởi cho	*xin đề gởi cho*
Mr NGUYỄN-KHẮC-HIẾU	Mr VƯƠNG-ĐÌNH-CHÂU
HANOI	VINH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm	3$00	5$00
Sáu tháng	1, 60	2, 60

Ngài nào muốn mua báo năm, nửa năm, xin có gởi mandat theo với thư.

Bản-chỉ nhận được tiền của ai bao nhiêu, xin sẽ có đăng tường ở sổ tiếp, thay làm biên-lai.

Ngài nào muốn mua các sách của Tân-Đà thư-cục, xin gởi chung một mandat cho tiện, cũng xin đề gởi cho Mr Vương-đình-Châu, ở Vinh.

Ngài nào muốn đăng quảng-cáo, hoặc đến tại Báo-quán thương lượng, hoặc gửi thư cho Mr Châu hỏi giá.

Kính-cáo

HIỆU THUỐC LỚN CỦA NGƯỜI VIỆT - NAM

TRUNG-KỲ

Phân cục :

VĨNH HƯNG-TƯỜNG

Vinh

Chi điểm

Hatinh—Dongha

Badon Huế

Faifoo Doluong

安永興祥中圻

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG

ANNAM N° 77 Rue Sarraut-VINH

R. C. Vinh N° 7

Tổng-cục tại Hanoï

PHÓ-GIA-TƯỜNG

N° 47, Rue Phuc-kiên

BẮC - KỲ

Phân-cục:

PHÓ-GIA-TƯỜNG

Haiphong—Viêtri

Chi-điểm:

Hongkong-Bacninh

Phutho-Tuyênquang

Phucyên—Yênbay

Chuyên buôn thuốc Nam thuốc Bắc đã hơn 100 năm nay. Bổn hiệu bán thật thà, hàng tốt giá hạ.

Bản-hiệu mong rằng các Ngài vì tình đồng-bang nên lưu tâm chiếu-cố không cứ ít nhiều, hoặc là cổ động giúp cho để bản-hiệu được qua khỏi nhiều nỗi khó khăn mà hàng hái tiến-hành.

Nay Bản-dược-cục lại muốn chấn-chỉnh và khảo-cứu về thuốc Nam, để sưu-tập làm một bộ NAM-DƯỢC BẢN-THẢO xin các ngài cũng vui lòng giúp sức cho thời mới việc mới thành được: hoặc các ngài chỉ giáo cách sắp đặt làm quyển Bản-thảo ấy, hoặc các ngài biết được cây thuốc Nam nào, tên là gì, công dụng những gì, hình sắc thổ-sản, cũng xin cho biết rõ cả. Được cả hình vẽ hay một cây hay một cành tươi thì quí nữa. Các bài và các hình vẽ chúng tôi cũng tiếp tục đăng lên Tạp-chí này.

Các ngài ở gần các phân-cục thời xin mời lại bản phân cục chỉ giáo cho, hoặc ở xa xin viết thư gửi thẳng cho phân-cục Vĩnh-hưng-Tường Vinh, cước phí chúng tôi xin chịu cả. Xin các ngài nhớ cho biết quý danh quý quán để tiện khi chung tôi tự tới thăm hỏi, hay để viết thơ xin chỉ giáo, thời công việc khảo cứu sau này mới rõ ràng cẩn thận được.

Quyển bản thảo này mà xuất bản được thời công ơn các ngài cũng không phải là nhỏ. Mong lắm thay!

Nay kính cáo **VĨNH-HƯNG-TƯỜNG**

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Nên hút thuốc

JOB

HAVANE

thứ quấn rồi

và chưa quấn

Phòng chữa mắt

TỪ-NGỌC-LIÊN

MỚI MỞ

10, *Phố hàng Đường* **HANOI**

chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt

Từ-Ngọc-Liên

rất hay giá

0$10 và

0$06

Hiện đã được Nhà nước cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

SÁCH THUỐC VIỆT-NAM

Do nhà nghiên-cứu khoa thuốc Việt-nam xuất-bản, nói rõ căn-nguyên các bệnh, phép xem mạch, phép trị bệnh, bằng thuốc ta, làm toàn bằng chữ Quốc-ngữ, dễ hiểu, dễ thuộc.

Về phần « TÍNH CÁC VỊ THUỐC », nói rõ cách phân biệt thiệt, giả, tốt, xấu, hình chất, khí, vị, phép bào chế, rất kỹ càng.

Một bộ 6 quyển và « tính các vị thuốc » 3 quyển, mỗi quyển 0$30, cước mỗi quyển 0$13.

Ngài nào mua cả chín quyển, gửi tiền ngay một lúc, tính giá 3$30 cả cước.

Mua sách xin giả tiền trước.

Thơ và mandat gửi cho :

M. NGUYỄN-XUÂN-DƯƠNG

123, Phố Khách, NAM ĐỊNH

AN NAM
TẠP-CHÍ

Kính ngỏ...

Theo hoàn-cảnh kinh-tế của xã-hội, theo sự-thế tiến-hành của Bản-chí, theo quan-niệm thiết-cận của Ban-chí chu-sự, An-nam tạp-chí từ nay trở về sau, đại-lược có khác từ nay trở về trước, tức là phàm các công-việc đều thu chặt phạm-vi, xin kính ngỏ cùng Độc-giả như dưới:

1° — Từ nay về sau, Bản-chí chỉ định ra mỗi tháng mấy kỳ và khuôn-khổ theo như cuốn số 1 mới xuất ban đay, mong cho duy-trì bảo-thủ được bền vững. Sau nay dù có phát-đạt đến đâu nữa, Bản-chí cũng chỉ giữ chừng mực như vậy, muốn cho bài vở càng được them kỹ-lưỡng, càng được khỏi phụ lòng người mua.

— Từ nay về sau, phần bài-vở của Bản-chí chú-trọng về sự văn học: thứ nhất là đem các sự học-vấn trong Hán-học, giảng-cứu mà phu-diễn ra quốc-văn, mong đối với các bạn Tân-học thanh-niên có thực-ích đôi chút; thứ hai là các bài vở của các bạn Tân-học gửi đến, Bản-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

chí xét bài nào có hợp theo tinh-chất văn-học, cũng tùy nghi có đăng; thứ ba là thuộc về công-việc quốc-văn, thơ ca và văn xuôi, Bản-chí xin hết sức vì xã-hội giảng-cứu. — Ngoài ra như các thời-sự ở ngoại-quốc không quan-thiết đến sự sinh-hoạt của quốc-dân Annam, cùng những sự hành-vi của cá-nhân không lợi hại đến luân-lý phong-hóa của công-chúng, Bản-chí nhất-thiết không cần có nói đến.

3° — Từ nay về sau, Bản-chí đối với các bạn Độc-giả có lòng tin yêu mà mua năm, mua nửa năm, nhất-thiết xin đều có giả tiền trước; dù là chỗ quen biết rất thân, dù là người ở xa nhà giây-thép, cũng xin đều có gửi tiền theo với giấy mua báo, trong Báo-quán sẽ xin gửi báo theo. (1). Vì kỳ này Bản-chí tiến-hành, người chủ-động thực không có đồng tiền nào, sự xuất-bản phải nhờ vốn ở nhà in Châu-Tịnh ở Vinh, cũng như hồi hàng Lọng năm xưa nhờ có nhà in Kim-đức-Giang vậy. Cho nên, thả hoặc không được lòng với Độc-giả, còn hơn có phụ với nhà in.

Giở lên ba điều, đều là có thay chặt phạm-vi khác như công-việc các khi trước; còn về phần tinh-thần của Bản-chí thời lúc nào cũng xin giữ theo như hồi mới xuất bản ở H. Lọng năm xưa. Nhân có các sự đổi thay, Tạp-chí bắt đầu đề lại từ số 1, cho được mới-mẻ.

Nay kính ngỏ

An-nam

---

1. —Tiếp được số tiền của ai gửi, xin đăng luôn lên ở Tạp-chí, khỏi bận các Ngài phải giữ cuống mandat và cũng không cần hỏi reçu.

LƯỢC NÓI VỀ SỰ HỌC KINH DỊCH

略 說 學 易

I

Trong Hán học, kinh Dịch là một bộ sách cổ hơn nhất; cũng là một thư sách cao và rộng nghĩa-lý hơn nhất. Nói sự học kinh Dịch, dầu như đức Khổng ngày xưa cũng tự lấy mình làm không đủ, vậy thời biết là khó. Nay tôi chẳng qua muốn vì các bạn thanh-niên Tân-học, nói truyện về bộ sách ấy đại-khái là thế; còn như nghĩa-lý tinh thấu, thực không khi nào dám mong.

Một bộ kinh Dịch, phát-nguyên từ vua Phục-Hy (1) mới vạch ra có hình *bát quái* (tám quẻ); rồi đến vua Văn-vương ông Chu công nhà Chu mới nối theo có văn từ; đến đức Khổng-tử học Dịch, mới làm ra các lời truyện để phụ diễn ý nghĩa. Trải qua bốn vị thánh-nhân đó mà bộ Dịch thành kinh. Lại đến người đời sau, như các ông Trần Đoàn, Thiệu-Ung, tựa ở nghĩa kinh Dịch mà làm ra sự học lý-số (2); đến ông Đường tôn-Hãi, suy ở nghĩa kinh Dịch mà làm ra

1. — Phục Hy là một ông vua ở Trung-quốc về đời cổ, trị vì 115 năm Sau đời vua Phục-Hy, cách 1780 năm thời đến vua Hoàng-đế. Cứ vua Hoàng-đế lên ngôi, trước năm đầu lịch tây 2697 năm.

2. — Một bộ sách *Hà-Lạc-lý-số*, dạy về cách lấy số theo lý-học là của ông Trần-Đoàn làm ra mà ông Thiện-Ung đứng thuật. Hai ông cùng người đời Tống.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

sách thuốc truyền-môn (3), càng thấy Dịch là một bộ sách rất quí ở phương Á-đông vậy.

Nay theo từ lúc mới bắt đầu nhóm có bộ sách ấy, lược nói đại-khái.

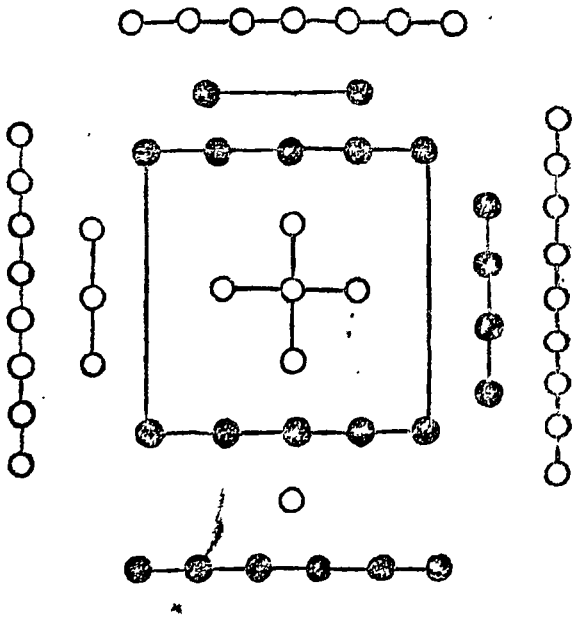

圖 Hình vẽ 1 : Hà-đồ 河

Hình vẽ thứ nhất đây, gọi là *Hà-đồ*. Nguyên từ đời vua Phục-Hy trị vì, có con long-mã đội cái hình có những lốt chấm như vậy, nổi lên ở mặt sông Hoàng-hà. Vua Phục-Hy nhân lấy ý nghĩa ở đó, mà vạch ra thành hình bát quái.

Các lốt chấm ở Hà-đồ, 1 và 6 ở dưới, 2 và 7 ở trên, 3 và 8 ở bên tả, 4 và 9 ở bên hữu, 5 và 10 ở giữa. Bao nhiêu số lẻ, thuộc về phần giời; bao nhiêu số chẵn, thuộc về phần đất. Số thuộc về phần giời, tất cả 25; số thuộc về phần đất thời có 30; cộng là 55.

3. — Ông Đường-tôn-Hải, người đời cuối Thanh, làm sách *Y-Dịch-thông-thuyết*, lấy ở nghĩa kinh Dịch mà nói nhẽ làm thuốc.

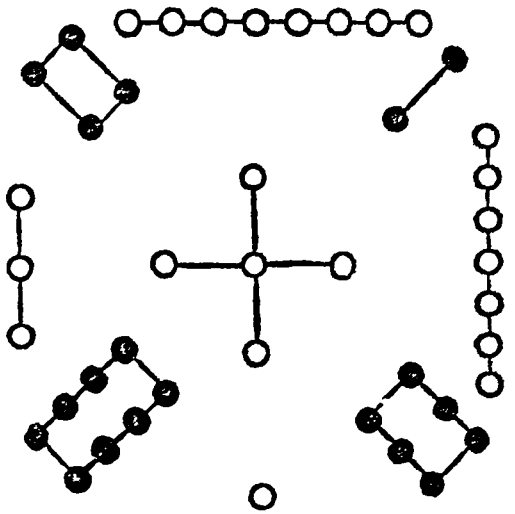

Hình vẽ 2: Lạc-thư 洛

Hình vẽ thứ hai đây, gọi là *Lạc-thư*. Trong đời vua Hạ-Vũ trị thuỷ, có con thần-qui nổi lên ở sông Lạc-thủy, trên lưng có những lốt chấm như hình vẽ đây, từ 1 có đến 9; vua Vũ nhân theo đó mà làm ra *cửu-chù* (1).

Các lốt chấm ở Lạc thư, theo như hình trên mai con rùa: đội 9 mà dẫm lên 1, bên tả 3 mà bên hữu 7, 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân, số 5 ở dữa.

∴

Cứ như hai hình vẽ Hà-đồ và Lạc-thư trên đây, bảo rằng ông Phục Hy toan bát chiếc ở đó mà vạch ra bát-quái, thực cũng không đúng. Huống chi Lạc-thư là sự-tích thuộc về đời vua Hạ-Vũ, mà cứ ở kinh sử, vua Hạ-Vũ không thấy có nói đến kinh Dịch, vậy thời Lạc-thư đối với Dịch không có can-hệ gì. Trong các bản kinh Dịch nay mà có cả hình vẽ Lạc-thư, là lấy vì ở truyện Hệ-từ của đức Khổng có câu rằng: 河出圖。洛出書。聖人則之。« *Hà xuất đồ, Lạc xuất thư; thánh-nhân tắc chi.* (Sông Hà ra hình vẽ, sông Lạc ra hình thư, Thánh-nhân bắt-chước đó.) — Song

4. — Nghĩa *cửu chù* ở kinh Thư, khi nào nói đến sự học về kinh Thư, sẽ có tường.

cứ ở truyện Hệ-từ, lại có nói rõ rằng: « *Đời xưa, họ Bào-Hy (tức Phục-Hy) trị vì trong thiên-hạ, ngẩng lên thời xem tượng ở giời, cúi xuống thời xét phép ở đất, gần thời lấy ở mình, xa thời lấy ở vật, đó rồi mới làm ra tám quẻ.* » Vậy thời ông Phục-Hy trước khi vạch ra bát quái, sự quan-sát không những chỉ nhân ở Hà-đồ, mà Hà-đồ thực cũng là một vật thiết-yếu ở trong sự quan-sát vậy. — Nay sự học Dịch, đối với hình vẽ Hà-đồ và Lạc-thư, chỉ nên nhận nghĩa rằng:

Trong khoảng giời đất, không ngoài đạo-lý *âm dương*, cho nên dẫu như vua Phục-Hy có bắt chiếc ở Hà đồ mà vạch ra bát-quái, cũng chỉ là lấy nghĩa ở hai số *lẻ* và *chẵn* mà thôi. Vậy thời Hà-đồ và Lạc-thư, cũng không cần phải phân-biệt; chỉ cần biết rằng trước khi ông Phục-Hy có vạch ra bát quái, trong khoảng giời đất sẵn có hình Hà đồ như vậy, ấy tức là *bộ Dịch tự-nhiên của giời đất*, cho nên gọi là 天地自然之易 «*Thiên địa tự nhiên chi dịch*». Cho nên có câu thơ: « 須信畫前原有易 *Tu tin hoạch tiền nguyên hữu Dịch.* » « *Nên tin rằng trước khi có hình vạch, nguyên vẫn đã là có bộ sách Dịch rồi.* » Ấy chính là cái gốc của sự học Dịch vậy.

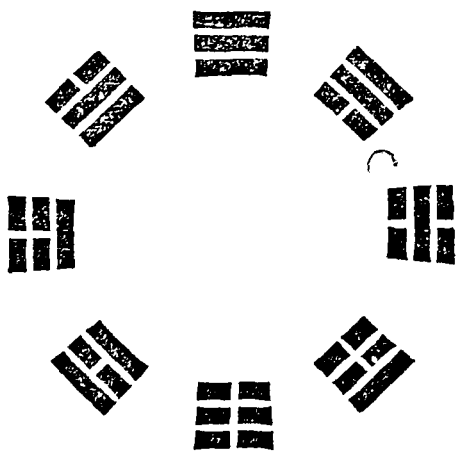

卦 Hình vẽ 3 : **Bát-quái** 八

Hình vẽ thứ ba dây, tức là tám quẻ của vua Phục-Hy

vạch ra.

 **Kiến.** — chính nam.

 **Khôn.** — chính bắc.

 **Ly.** — chính đông.

 **Khảm.** — chính tây.

 **Trấn.** — đông-bắc.

 **Đoài.** — đông-nam.

 **Tốn.** tây-nam.

 **Cân.** — tây-bắc.

Vua Phục-Hy đã vạch ra cái hình tám quẻ ấy, trên mỗi quẻ, lại trung-điệp mà lần-lượt đều có đặt lên tám quẻ, thành ra *sáu mươi tư quẻ*, ấy là 六十四卦 (lục thập tứ quái). Nay cứ thứ tự trong hai quyển kinh Dịch, liệt hình vạch và tên quẻ như sau :

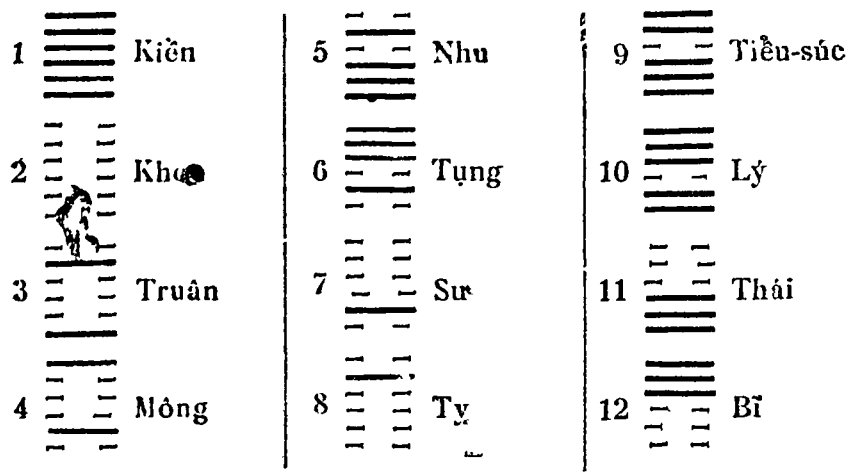

13  Đồng-nhân

14  Đại-hữu

15  Khiêm

16 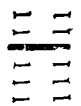 Dự

17  Tùy

18 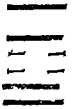 Cổ

19 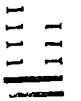 Lâm

20 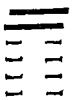 Quan

21  Phệ-hạp

22  Bí

23  Bác

24 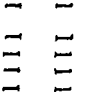 Phục

25 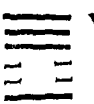 Vô-vọng

26 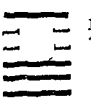 Đại-súc

27 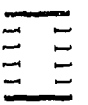 Di

28  Đại-quá

29 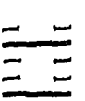 Khảm

30  Ly

Giở lên 30 quẻ là quyển trên

31  Hàm

32  Hằng

33  Độn

34 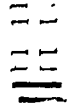 Đại-tráng

35 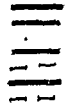 Tấn

36  Minh-ri

37 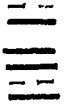 Gia-nhân

38 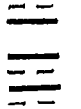 Khuê

39 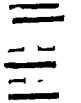 Kiển

40 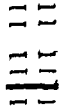 Giải

41  Tổn

42  Ích

43  Quả

44 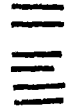 Cấu

45 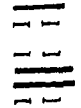 Tụy

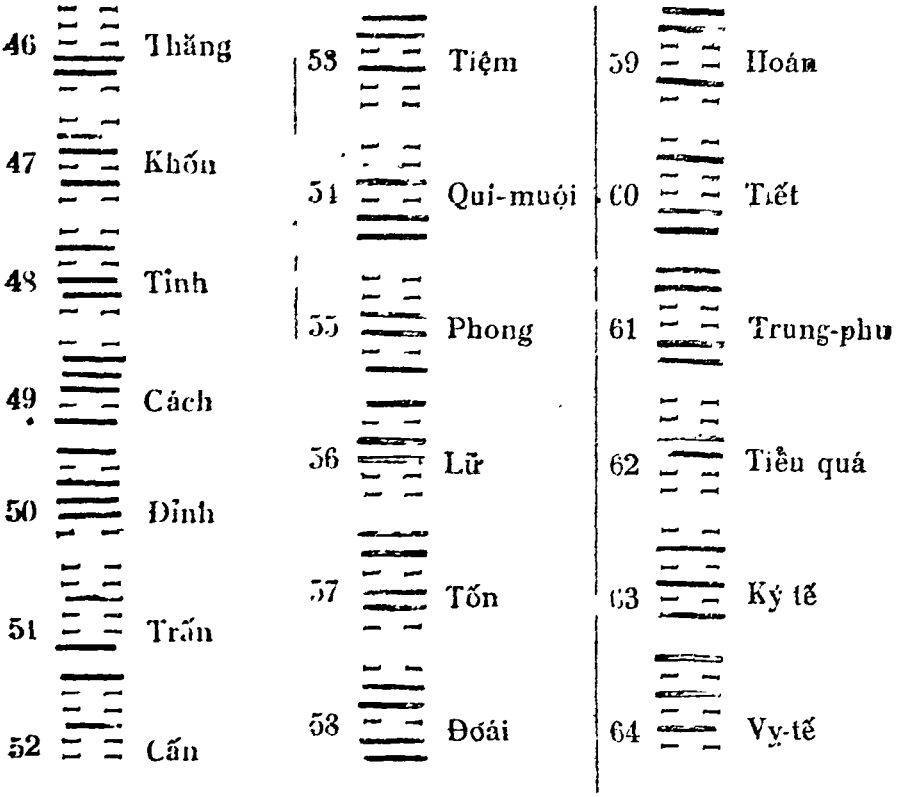

Giở lên 34 quẻ là quyển dưới.

Trở lên, hình thì «bát quái» và 64 quẻ liệt trên đây, tức là sách Dịch của vua Phục-Hy làm ra. Trong đời vua Phục-Hy gọi là Dịch chỉ mới có những cái *hình vạch* như vậy, chớ chưa có chữ viết gì cả. Đến vua Văn-vương về sau, mà rồi Dịch, mới có văn-tự. Vậy thời những tên quẻ liệt ra ở trên đây cũng là sau mới đặt để gọi tên, mà đây tùy tiện cứ ghi theo các hình vạch của vua Phục-Hy, cho được có tên mà gọi vậy.

Sáu mươi tư quẻ, hợp cả các vạch chẵn lẽ, cộng 384 hào (mỗi cái vạch gọi là một hào ⚹), đều là từ dưới vạch lên. Nghĩa sẽ có nói ở kỳ khác.

NGUYỄN KHẮC-HIẾU

CHUYỆN LÝ-THÚ

Ba-ba núi

Đời Quang-tự nhà Thanh khi xưa, ở bên Tàu có một ông quan thích ăn thịt ba-ba, cho là ngon và bổ âm. Ngày nào cũng có ăn, mà có khách tiệc thời lại làm thịt nhiều hơn. Trong một năm, tính có hơn một nghìn con ba-ba bị mổ ở trong bếp.

Sau ông quan đó hưu chức về, đường đi qua Tây-hồ; một buổi chiều giời thanh quang, nước hồ trong lặng, Quan ngồi ở mạn thuyền khỏe chân xuống nước, nghĩ cái đời phong-lưu đã đủ, nay lại được hưởng phúc thanh-nhàn, tình cảnh đối nhau, thực có mười phần khoan-khoái.

Đương lúc đắc-ý như vậy, thời ở dưới chân quan như thấy có vật gì lôi cắn. Ngoảnh trông xuống, thời là một con rải rất to! Khiếp sợ quan kêu lên, quân lính ở trong thuyền cùng túm đông ra coi, chúng cùng lấy sào thuyền, có nhọn sắt, cùng đâm đánh con vật ấy. Song mà không thể nào làm cho nó nhả ra được. Quân lính đành phải cố sức cùng ôm lấy mình quan để lôi lên; con rải cũng hết sức cắn vững lấy chân quan để lôi xuống. Một đằng lôi lên, một đằng lôi xuống, thành ra đau khổ lạ thường. Hai đằng cùng dằng-dai hồi lâu, lại một con rải nữa ở đâu đến, cắn giữ một chân nữa; cái thế-lực ở dưới nước càng mạnh hơn. Khi đó quan bị lôi kéo mãi, đau không thể chịu được; lại trông hai con vật hình-thế uy-nghiêm, biết rằng tất có sự ác-báo mà liệu không thoát khỏi. Sau hết, danh bảo chúng ở trên thuyền đều buông bỏ tay ra.

Quân chúng vừa buông tay, hai con rải lôi phang người đó xuống nước. Trên mạn thuyền, người đứng trông xuống, chỉ thấy đỏ ngòm những máu, mà như mỗi con phân nửa người đem đi.

Có người nói rằng: ở bên Tàu từ đấy, ít người dám ăn ba-ba sông; cho nên các khách chú hay sang ta chuốc mua ba-ba núi. Ba-ba núi của ta bán đắt cho khách là thế.

TẢN-ĐÀ

TRẦN-AI TRI-KỶ 0$15

THẾ-GIỚI-NGỮ

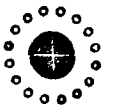

Đã 50 năm nay, khoa-học phát minh : Điện-thoại, tàu bay, vô-tuyến-điện, v. v. nhân-loại toàn-cầu giao thông rất tiện lợi. Nhưng thử hỏi : Hai người bất-đồng-chủng đứng đối diện nhau, ma không thể làm thế nào cho hiểu rõ nhau được, thì có khác gì như những người vừa câm vừa điếc không ? Cái đó là lỗi tại hãy còn thiếu một thứ ngôn ngữ phổ-thông chung cho cả thế-giới vậy. (*Faute d'un langage commun*).

Học một thứ tiếng ngoại-quốc phải tốn công lâu năm. Trong một nước chỉ có một số rất ít người học được. Nói ngay như các thứ tiếng ở các nước Âu-châu bây giờ, một mảnh óc mỏng-mảnh của một người cũng không thể nào ma mang được tất cả các thứ tiếng ấy cùng một lúc được. Huống chi từ sau hồi Âu-chiến, thế-giới như một nhà thi không những các thứ tiếng Âu-châu cần phải biết ma thôi, ma cả đến ngôn ngữ khắp 5 châu cũng cần phải biết. Như thế mà học tất cả, thì học làm sao ?

Vì thế, nên mới xuất hiện một thứ tiếng quốc-tế phổ-thông cho cả hoàn-cầu, tức là Thế-giới-ngữ (*Esperanto*) của bác-sĩ **Zamenhoff.**

Thế-giới-ngữ xuất hiện, không phải là một thứ tiếng thay hẳn cho tiếng bản-quốc, nhưng chỉ là một thứ tiếng phụ vào tiếng bản-quốc ma thôi. Phàm người ở nước nào cũng vậy, cần phải hiểu biết để phụ thêm vào với tiếng mẹ đẻ.

Thế-giới-ngữ, không phải là sự hão-huyền. Hiện nay, ở trong thế-giới đã có đến ức triệu người nói rồi. Thế-giới-ngữ ra đời đã 35 năm nay. Có 22 Đại-hội-quốc tế, 5.000 hội-viên và 40 quốc-gia đã công-nhận là một thứ tiếng dễ học, dễ đọc, dễ hiểu cho khắp tất cả các dân-tộc hoàn-cầu.

Thế-giới-ngữ dễ học quá, dễ đến nỗi rằng một người học-vấn trung-thường chỉ học trong hai tuần lễ là đã tàm tạm đọc viết được. Văn-pháp dản-dị, giọng đọc êm đềm, nhân-loại nhân đó sẽ chóng bước lên đường tiến-hóa. Ông bác-sĩ, bác lái buôn, chú thợ sẽ nhân đó mà liên kết với nhau là bình-đẳng.

40 hội-viên ở khoa-học hàn-lâm-viện bên Pháp đã công bố rằng : « Học Thế-giới-ngữ là học một áng văn-tự tuyệt diệu, rất khúc-triết, rất giản-dị (*L'enseignement de l'Esperanto, chef d'œuvre de logique et de simplicité*). Vậy nên đem vào chương-trình khoa-học ở tất cả các trường.

Phòng thương-mại ở *Paris* cũng đã cho học từ năm 1921. nhưng cho tùy ý.

Quyển Niên-ký thương-sự *Didot-Bottin*, từ năm 1923 cũng đã có ngữ-loại Thế-giới-ngữ. (*Vocabulaire*).

Các sở Vô-tuyến-điện to trong thế-giới cũng đã giao thông với nhau bằng Thế-giới-ngữ, như *Radio-Paris,Radio-Lyon, Radio-Toulouse, Barcelone, Berlin, Copenhague, Francfort, Genève, Hambourg, Koenigswüsterhausen, Munich, Munster, Moscou, Rome, Stuttgart, Vienne, vân vân.)*

Tháng tư năm 1925, ở *Paris*, hội Vô-tuyến-điện quốc-tế họp, do ông Belin chủ tọa, cũng công-nhận Thế-giới-ngữ và cho các công-nhân các sở hoản-cầu học.

Hội Quốc-liên, năm 1922, đã làm tờ trình về Thế-giới-ngữ và đến ngày 20 tháng chín năm 1924 đã được toàn-hội hoan-nghinh cùng ban-bố cho các đảng-viên rằng : « Thế-giới-ngữ là thứ tiếng rất rõ-ràng trong các sự giao thông bằng bưu-điện và vô-tuyến-điện.

Chính-phủ Pháp cũng đã định rằng : « Cần phải biết Thế-giới-ngữ trong việc giao-dịch ở các sở bưu-điện (tháng năm, 1925). Các ông Quản-đốc các Cao-đẳng và trung-đẳng học-hiệu, ngày 19 tháng 6 năm 1925, cũng đã thông tư mượn các học-hiệu sở-tại để tổ-chức lớp học Thế-giới-ngữ.

Sở Lao-động quốc-tế, giao thông bằng Thế-giới-ngữ và phát-hành tạp-chí Thế-giới-ngữ.

Hội Thế-giới-điện-tín-liên-hiệp họp ở *Paris*, tháng chín và tháng mười, 1925, cũng đã xin các chính-phủ công nhận Thế-giới ngữ trong các việc giao thông bằng bưu-điện, cũng như tiếng La-tinh vậy..

Các buổi chợ-phiên quốc-tế ở các nước trong thế-giới bây giờ, phương-diện ngoại-giao đều đã dùng toàn Thế-giới-ngữ cả

Vậy chúng ta phải nên học Thế-giới-ngữ. Nó là một thứ tiếng chung cho tất cả các dân-tộc, để hiểu biết rõ nhau, để ngăn-ngừa những trận rắc-rối đổ máu, để rửa cho nhân-loại cái tiếng nhơ là : «phi-nhân-loại». Ta phải học, vì du-lịch cần phải giao-thiệp với người ngoại-quốc, vì những sở vô-tuyến-điện cần phải một thứ tiếng rất giản, dị để giao-dịch cho dễ-dàng, vì những nhà bác-học, những nhà chuyên-môn cần phải biết nó để truyền bá tư-tưởng, chấn-hưng nghệ-thuật. Thế-giới-ngữ lại là một cái lợi-khí cho các hội-đảng, để truyền thụ ý-tưởng, tầm nhuận cảm-tình, gây mối thân-ái cho muôn dân. Nếu không có Thế-giới-ngữ, thì những hiệp-ước tài binh, phi chiến, những thuyết thế-giới hoà bình, thế-giới đại-đồng đều là chuyện hão cả. Tóm lại, phàm người các nước văn-minh cần phải học để am-hiểu lẫn nhau. Người Pháp có câu rằng : « Nước Pháp phải theo cái tập-quán của nước Pháp từ xưa, làm tiên-phong mà dẫn đạo các ý-tưởng lớn-lao, đem ngôn-ngữ vạn-tự quốc-tế để thực hành những công-cuộc vĩ-đại trên con đường tiến-hóa » (*La France doit a ses traditions d'apotre de toutes les grandes idees de prendre le premier rang dans le mouvement pour la réalisation de l'immense progrès que constituera l'adoption definitive d'une langue internationale*).

Nước ta, từ hồi năm ngoái (1931), ông PÉRAIRE, người Pháp, có diễn-thuyết về Thế-giới-ngữ ở nhà hội Khai-trí tiến-đức Hanoi. Ông HUỲNH-BÁ-DƯỠNG thông-ngôn cho người Pháp và người Nam nghe. Vậy cái hay, cái đẹp, cái lợi ích, cái giản-dị của Thế-giới-ngữ thế nào, chắc nhiều người đã rõ rồi, tôi bất-tất phải nói nữa. Từ hồi ấy, bạn thiếu-niên

ta cũng đã có nhiều người học. Ai đã học cũng công-nhận rằng: rất thú rất dễ. Có người chỉ học có một tuần-lễ mà đã đọc được sách, xem được báo, viết được thư, không phải công-phu khó nhọc gì, thật là kỳ-diệu quá.

Hiện nay ở Hanoi, có ông GUÉRINEAU, là Đại-biểu thế-giới-ngữ Đông-dương. Anh em thiếu-niên ta, ai người thích học, nên viết thư bằng chữ Pháp gửi cho ông, ông sẽ phát sách học cho mà tự học lấy, không cần phải thầy. (adresse: Monsieur GUÉRINEAU, *Délégué espérantiste, — Radio-Hanoi*).

Người nước văn-minh cần phải học, đã đĩ-nhiên; đến như tình cảnh nước ta thì lại càng cần phải học lắm. Vì sao? Chữ Pháp là một thứ chữ khó nhất thế-giới (theo lời ông Lương-khải-Siêu), lại chữ nho là chữ cũng rất khó, mà người Nam mình còn học được. Nay có một thứ chữ dễ-dàng như thế, lại là cái lợi-khí cho ta am-hiểu cả các quốc-dân, các chủng-tộc cả 5 châu, thì ta lại càng cần phải học lắm mới phải. Đã đành chữ nho ta cũng cần phải học để giữ lấy quốc-túy, quốc-hồn, chữ Pháp ta cần phải học để trực-tiếp với người Pháp; nhưng Thế-giới-ngữ, ta há chẳng nên học để hấp-thụ lấy văn-minh của cả hoàn-cầu sao? Học chữ Pháp, chỉ hiểu biết riêng cái tinh-túy của Pháp, học chữ Anh, riêng cái tinh-túy của Anh, và học chữ Nhật, chữ Đức, chữ La-tinh cũng vậy. Duy học Thế-giới-ngữ, thì một người đồng-thời thấu thục được cả cái tinh-túy của toàn-cầu, mà thấu một cách không tốn công-phu mấy. Lạ thay Thế-giới-ngữ! Thánh thay cụ ZAMENHOFF!

Nước ta đương ở vào thời-kỳ quá-độ, tựa như một người trẻ tuổi đương bước trên con đường văn-minh, thế mà chỉ vì đầu đội vai mang những cái quả rất nặng, nên chân muốn bước nhanh mà không nhấc nổi, đầu muốn cất thẳng mà lại bị đè; nay ta lấy thứ quả rất nhẹ để thay vào, mà lấy bớt cái trọng-lượng ở quả kia đi, thì bước nhanh, đầu thẳng, lo gì mà chả chóng tới chốn vũ-đài. Vậy cái quả nặng ấy là thứ chữ khó

học, mà quả nhẹ là thứ chữ dễ học. Thật thế, ngôn-ngữ, văn-tự là cái gì? là một thứ khí-cụ để khai-thông trí-tuệ, đào-luyện tâm-hồn, nâng cao tư-tưởng, mở mang kiến-thức.

Càng như nước ta, bước chậm, đi sau người, đối với thế-giới là một chốn hang cùng ngõ hẻm, thì lại càng cần phải tìm lấy cái thứ khí-cụ nào rất giản-dị để mong theo cho kịp người. Như thế, thì Thế-giới-ngữ ra, thì còn thứ nào hơn nữa! Vậy học Thế-giới-ngữ là cái nghĩa-vụ chung cho cả quốc-dân ta, dù nam-giới, nữ-lưu, tân-nhân-vật, cựu-nhân-vật đều phải tự-nhận làm trách-nhiệm cả. Nếu ai ai cũng đều học cả, từ thành-thị cho chí thôn-quê, từ sơ-học cho chí cao-đẳng-học, thì một ngày kia nước ta cũng sẽ sẵn có báo, có sách bằng Thế-giới-ngữ, bấy giờ một tiếng vang của hoàn-cầu, rung động đến nước mình, mot lan song của nước mình lai-láng đến hoàn-cầu, bao nhiêu cái hay cai đẹp của người là của mình, bao nhiêu cái hay cái đẹp của mình là của người, hiểu biết nhau, thân yêu nhau, trao đoi cho nhau điều tốt ý hay, bốn phương chung lại, năm chau mọt nha, như thế thì lo gì dân ta chẳng chóng bước lên con đường tiến-hóa!

Có người nói: «Loại-ngữ (*Vocabulaire*) của Thế-giới-ngữ, ở chữ Pháp ra 75 phần trăm. Như thế, người có học chữ Pháp thì học Thế-giới-ngữ mới chóng. Nếu không có Pháp-học, chắc học cũng tốn công-phu như học chữ Pháp, chữ nho vậy.»

Phải! sẵn có Pháp-học, học Thế-giới-ngữ rất chóng, cố nhiên! Nhưng người không có Pháp-học, học cũng rất chóng. Văn-phạp (*grammaire*) của Pháp-tự rất là phiền-phức, thiên hình vạn trạng. Còn chữ nho thì văn-pháp lờ mờ; lắm chỗ «dủng chữ, đạt câu» không thể cắt nghĩa ra được, học-giả chỉ lấy ý-hội thôi. Trong hai thứ chữ ấy, một người học đến 10 năm, đến lúc viết văn hãy còn sai. Đến như Thế-giới-ngữ thì văn-pháp rất đơn-giản, lại có một cái đặc-điểm hơn các thứ tiếng là: «mẹo luật nhất định». Nhờ có cái đặc-điểm ấy mà học-giả lúc nói, lúc viết không còn phải nghi kỵ gì. Lại nói đến cái điệu văn: viết Pháp-văn, phải theo điệu-văn của người Pháp; Hán-văn, Anh-văn, Ý-văn, Nhật-văn cũng vậy. Nói tóm lại là học chữ nước nào cũng phải theo

điệu văn của nước ấy.— Mình là người Nam, linh-hồn Nam, giọng nói, điệu văn Nam, nay học chữ nước người phải bỏ hết cả giọng điệu tự-nhiên của mình đi, mà theo giọng điệu của người, tức là đem cái hồn của mình mà sáp nhập vào hồn người, cầu sao cho đúng vẻ tự-nhiên; như thế thực là khó quá. Chính những ông có bằng Tiến-sĩ về khoa văn-chương bây giờ, cũng còn phạm lỗi mất vẻ tự-nhiên. Nay Thế-giới-ngữ, trái hẳn, vào nước nào thì thâu-nhập ngay vào cái vẻ tự-nhiên của nước ấy, nghĩa là giọng nói, điệu văn của nước nào phát xuất ra văn-tự bản-quốc một cách tự-nhiên thế nào, thì đến lúc phát xuất ra Thế-giới-ngữ cũng thế, chứ tuyệt-nhiên không có gì là bó buộc. Như thế, linh-hồn bao giờ cũng vẫn là chủ: giọng nói, điệu văn phải theo cái mệnh lệnh tự-nhiên của linh-hồn, vẫn là nô-lệ của linh-hồn; chứ không như chữ Pháp, chữ Hán, chữ Anh, v v. linh-hồn phải làm nô-lệ cho giọng nói, điệu văn. Đó cũng là một cái đặc-điểm rất thần-tình mà rất phong-phú của Thế-giới-ngữ. Người Nhật mà học Thế-giới-ngữ thì viết văn Thế-giới theo điệu văn Nhật; người Xiêm học thì theo điệu văn Xiêm, người Nam mình học thì theo điệu văn Nam, như thế có dễ-dàng không? Vậy Thế-giới-ngữ là của báu chung của thế-giới, không có nước nào có quyền nhận là của báu riêng của mình, mà đồng-thời, Thế-giới-ngữ lại có thể là của báu riêng của từng nước, nước nào cũng có quyền nhận để làm của báu riêng của mình. Dân tộc nào học nó cũng là học tiếng ngoại-quốc mà nó sáp nhập vào dân-tộc nào cũng có thể nhận là tiếng của nước mình, mà tiếng mẹ đẻ của từng nước một lại nhân nó mà phát-triển thêm ra, phong-phú thêm ra. Nó thật đã mở ra một kỷ-nguyên mới cho toàn thế-giới từ 35 năm nay, giải phóng cho tâm-hồn của toàn nhân-loại, khiến cho nhân-loại tránh được cái khổ nô-lệ tiếng ngoại-quốc, lại thoát được cái nạn không hiểu rõ nhau. Rồi đây, nước nào cũng chỉ phải học có hai thứ văn-tự là: bản-quốc văn-tự và Thế-giới văn-tự.

Như thế thì người không có Pháp-học, học cũng dễ

lắm chứ sao! Ông PÉRAIRE, khi diễn-thuyết ở Hanoi có nói « Tôi dạy một người Tàu, không có Pháp-học, học chóng quá, so với công-phu học chữ Pháp, thì nhẹ hơn nhiều lắm. » Cứ thế mà suy thì chắc học chữ Pháp 10 năm mà học Thế-giới-ngữ chỉ 3 năm thôi. Vả, chính tôi cũng đã từng nghiệm thấy thế. Một đứa trẻ 7 tuổi học Thế-giới-ngữ rất chóng-đến lúc học chữ Pháp thì lại càng chóng lắm nữa, vì ngữ-loại của Thế-giới-ngữ 75 phần trăm do chữ Pháp. Vậy một người có Pháp-học với một người không có Pháp-học, đồng-thời cùng chuyên học Thế-giới-ngữ thì chỉ khác rằng người có Pháp-học, học chóng hơn người không có Pháp-học mà thôi, chứ cái công-phu học thì cũng thấy dễ-dàng như nhau cả. Vả, ta cũng nên biết rằng: con người ta còn ăn thua nhau về cái thông-minh và cái nghị-lực. Biết đâu, người không có Pháp-học mà nếu có thông-minh và nghị-lực lại chẳng chóng tấn-tới hơn người có Pháp-học sao? Vậy ai là người không có Pháp-học chớ vội tự-khi, mà ai là người có Pháp-học chớ vội tự-kiêu.

Vậy thì ai ôi, ai là người yêu văn-tự Thế-giới, nam-giới, nữ-lưu, tân-nhân-vật, cựu-nhân-vật, thành-thị, lâm-toàn, bình-dân, quí-phái, cũng đều nên coi nhau là bình-đẳng mà cùng nhau thực-hành cái hi-vọng tối cao của cụ ZAMENHOFF.

Nguyễn-thượng-Cát

Viết ở Phủ-lý ngày tháng bảy 1932

Kỳ sau sẽ có bài

THỂ-LỆ HỘI ESPÉRANTO (THẾ-GIỚI-NGỮ) Ở BẮC-KỲ

của M. HUỲNH-BÁ-DƯỠNG

CẢI-CHÍNH LỜI QUẢNG-CÁO Ở SỐ 48.

Báo số 48 khi trước có lời quảng-cáo, song mà không có sự-thực. Chỉ vì trong khi ấy tôi về nghỉ ở một nơi thôn-quê tại Hà-đông, mà ông Ngô-thúc-Địch yếu mệt, cho nên công-việc trong Báo-quán lộn xộn; nay dấu tường-thuật, tưởng không có thiết gì đến sự biết của ai, vậy xin các Độc-giả coi làm một sự bỏ qua. Đa tạ. — HIẾU

DU - KÝ

.... CHƠI ANGKOR

(Đế-thiên, Đế-thích, Cao-Miên)



«Chơi cho biết mặt sơn hà,
Cho sơn hà biết ai là mặt chơi».

Đó là lời ước mong của nhà thi-sĩ, — mà cũng là lời ước chung của những ai ai tuy không được là thi-sĩ, nhưng cũng biết vui chơi trong thú yên-hà, khi tiêu-giao làm bạn cùng núi bạc rừng xanh, khi rong-ruổi khắp đồi cây dặm cát, điếm cỏ cầu sương, khi thăm đền đài cổ, khi viếng thành-quách xưa — Nhưng góc bể chân trời, người ta không được như con chim hồng mà tự-do bay khắp. Danh-lam thắng-cảnh, người ta sống vào đời này, cũng khó bắt chước được những bực tao nhân dật-khách có thể quên hết việc đời mà hưởng mãi cái kho vô-tận, cái thú thanh-kỳ. Thế cho nên trong cuộc đời náo-tạp xôn-xao, vụt có mấy buổi nhàn-du nơi thắng cảnh, có chăng cũng là một tấm hữu-tình của ông xanh đối với người biết yêu cái đẹp, mà duyên ta cùng với cảnh, chẳng nên có ghi-chép để làm kỷ-niệm du? Sự chơi Angkor của kẻ thư-sinh và bài du-ký này, trước là do chút lòng «liên-tài» của giời đất đối với kẻ thư-sinh, mà sau là bởi chút tình riêng của khách chơi với cảnh đã chơi vậy.

Bảy cái hoành-công của thế-giới, *Angkor* có kể làm một. *Angkor* là tên gọi theo tiếng Cao-Miên, là nước có cái cảnh kia,— người An-Nam thì thấy có nhiều người gọi là «Đế-Thiên Đế-Thích»; nhưng không rõ vì sao mà hai chữ «*Angkor*» lại hóa ra bốn chữ «Đế Thiên Đế-Thích. Vậy theo ý riêng, xin cứ gọi là phong-cảnh *Angkor*.

* * *

Angkor ở phương tây nước Cao-man, gần giáp giới nước Xiêm la. Đường đi từ Nam-kỳ tới Angkor, có thể đi theo đường bộ, hoặc theo đường

thủy. Đường bộ thì từ Saigon đến Nam-vang, 238 ki lo-mét; lại từ Nam-vang đến Ăng-Co 321 ki-lo mét nữa, cộng ngót sáu trăm cây– Đường thủy thì cũng bắt đầu phải đi xe hỏa từ Saigon đến Mỹ tho mới xuống tầu, rồi cung lên Nam-vang mới đến Angkor như theo đường bộ—Sáu trăm ki-lô-mét ở thế-kỷ thứ hai-mươi nay coi là nhỏ, nhưng lại kể từ Bắc vô Nam, lại sang Cao-man mà vãn cảnh, thời cũng là cách trở sơn-khê. Thế mà tình cờ cũng tìm được cho tới cảnh ma chơi, thật là : may thay giải cấu tương-phùng, khát khao đã thỏa tấm lòng bấy nay.

Tấm lòng khát-khao vì phong-cảnh Angkor, không cứ mình là một kẻ thư sinh Việt-Nam, văn kiến đều hãy còn nhỏ hẹp, cho nên biết danh-tiếng cảnh xa mà phải đem lòng khao-khát. Từ Tây-phương thuở trước cũng có nhiều người nghe hai chữ "Angkor" mà bồi-hồi tưởng-vọng, như nhà văn-sĩ Loti. Văn-sĩ Loti thủa nhỏ, đọc sách thấy nói đến *Angkor*, trong quyển sách có một câu không sao quên, réo rắt mãi ở bên tai nhớ : « Trong rừng sâu thẳm nước Xiêm, tôi đã được thấy sao hôm mọc ở trên đỉnh tích cảnh Angkor bí-mật... » — Nhời văn réo-rắt, dục cho khi lớn tuổi, phải cho thấy cảnh, mối cảm-tình khi gặp đã phát-tiết ra một thiên tuyệt-tác là tập *Pèlerin d'Angkor*. Tập *Pèlerin d'Angkor* (Một người vãn cảnh Angkor) kia lại réo-rắt bên tai một kẻ thư-sinh Nam-Việt từ ngày còn thơ, khêu gợi cho ai luống vì Angkor mà một lòng tưởng-vọng.

Lòng tưởng-vọng ấy đến ngày 10 Mars 1932 được mãn-nguyện. Bừng con mắt, đã thấy mình ở giữa kinh-thành Nam-Vang

Cảnh Nam-vang, có thể nói là : đối với cảnh Angkor cũng như cảnh Thiên-Chù đối với động Hương-Tích. Ở Thiên-Chù tuy có non núi mà cái vẻ thiên-nhiên thì khác hẳn cái vẻ riêng của Hương-Tích, song tuy khác mà lại cũng thấy phảng phất một cái tinh-thần chung. Nam-vang là một kinh-đô mới của Cao-Mên, dấu cũ tuy vẫn còn, mà phô ra những kiểu kiến-trúc những đền-đài cùng một áng mỹ-thuật với cái áng mỹ-thuật Angkor, song lại có nhiều vẻ tân-thời do cái văn-minh Thái-tây pha lẫn.

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-LÃNG

Cùng ông Bạch-thái ở Hoàng-tuyền.

Khoảng cuối tháng Juillet 1932, An-nam tạp-chí ở Hàng-Khoai tạm hành đình bản, luôn mấy buổi mưa sầu gió thảm, lại nghe tin ông **Bạch-thái** tạ thế. Thương ôi!

Nghĩ như nước Nam ta từ bắt đầu vào thời-kỳ Âu Á, những người tay trắng mà làm nên đến bực đại tư-bản, không cứ một mình ông **Bạch-thái**; song mà cái giá-trị của các nhà tư-bản bực ấy, thời riêng ông **Bưởi** có ở trong quốc-dân. Vì sao? Như các người khác là làm giầu; như ông **Bưởi** là người làm việc bằng sự giầu. Ông từng có nói truyện với tôi rằng: « **Như tôi còn thiếu mất bốn cái tầu bay.**» Đó là cái tinh-thần của ông **Bưởi**, mà giá-trị của ông tức ở chỗ đó vậy.

Tôi nhớ từ khi tôi mới được biết ông, là nhờ do quan huyện Nẻ-xuyên Nguyễn-thiện-Kế đưa về chơi trong khi ông còn ở tại Nam-định. Khi đó, ông đã là một người hùng-kiệt trong xã-hội, tôi thời là một kẻ thư-sinh mới ngoài 20 tuổi; vậy ma ông đối-đãi do một cách thành-ý bình-đẳng. Chỗ đó, tôi thực không đáng quên.

Trong năm 1916, tôi có ông anh ruột là Nguyễn tái-Tích, đương ở chức Điển-học tỉnh Vĩnh-yên mà bị bệnh về mất tại nhà thương ở Hanoï. Khi đó, may gặp hồi ông ở Hanoï, nhà chúng tôi cử người đến thương-thuyết, muốn thuê đáp chuyến tầu của ông tự Hanoi đi Hòa-bình, để đem linh-thấn về quê, thuộc hạt huyện Bất-bạt tỉnh Sơn-tây; việc đó ông không lấy tiền thuê, chỉ tính mười đồng cho những kẻ canh gác. Lúc đưa linh-cữu xuống bến tầu Hanoi, ông thân-hành ngồi trên cái xe kéo, đi đi lại lại, để trông coi cho chúng khiêng xuống tầu. Lúc đem linh-cữu ở tầu thủy lên bờ, được ông cho lệnh ghé tại bến làng ở Khê-thượng (1). Chỗ đó, tuy là ông lấy cái địa-vị một nhà tư-bản trong xã-hội đối với một người học-vấn trong xã-hội (2); song mà phần riêng thực không thể quên.

Sau khi anh tôi đã quá-cố, một ần tôi đi ở Hanoi về quê, được gặp ông tự Viêtri xuống khám

tầu Hòa-Bình, ông bảo pha hai chén nước ra mạn tầu cùng ngồi nói truyện. Khi ấy còn đương hồi Âu-chiến, ông muốn khuyên tôi sang Tây. Đại-ý ông nói rằng. Khi đi thời cũng phải xung vào số lính cầm súng, song ông sẽ gửi ở một ông quan Ba, làm thư-ký, cứ sang đó tự-nhiên có sự học rất hay. Ông thấy tôi châm khong giã lời, ông lại nói luon rang· Người ta lúc không chết thời quang vao súng đan cũng không chết; lúc chết thời chui vao hợp bông cũng chết. Sau toi dap lại ông, nói vì lẽ nha con mẹ già. Ông lai nói ông sẽ xin giúp tôi mỗi tháng mười đồng bạc về sự cung-dưỡng, cứ tầu Hòa-Bình ông sẽ ủy người ghé ở bến La-phù đưa sang. Trong cái hạn bá năm mà ông muốn cho tôi ở Tây thời việc đó ông thề không dám có khiếm-khuyết. Ông lại hẹn cho tôi, lâu nhất là ba tháng có thế nào giả lời; trong khi ông còn ở Hanoi thời hẹn hơn, kẻo sau nữa ông ra ở Hải-phòng thời câu truyện thêm cách-trở.- Sự đó, rút lại tôi không theo được như lời của ông hứa, đến sau nghĩ đến mà thẹn, mà tôi không dám quên.

Đối với ông, tôi có ba điều không quên, mà trong khi ông còn sinh-thời, tôi ra làm báo đã mười năm, chưa từng có nhắc đến. Nhiều lúc nhớ ông thực, mà không tiện mỗi lần đến nơi. Trong khi An-nam tạp-chí tiến hành ở H. Khoai, tôi có đến ông Lê-văn-Phúc, có hỏi thăm về cận-trạng của ông ở chỗ ông làm mỏ, muốn được có ngày ra thăm ông; tôi nghĩ như ông tuổi đã già, sự muốn gặp ông kể cũng là cần kíp. Ông Phúc có chỉ bảo cho tôi tất cả những adresse của ông và lý-lộ ra mỗ. Song mà rút lại tôi cũng chưa có ra thăm ông được, quả-nhiên! đến nay nghĩ lại mà buồn.

Ôi thôi! Ông **Bạch-thái-Bưởi**, nay đã là người ở suối vàng; trừ phi có ngày tôi cũng đến suối vàng thời không thể gặp mặt ông được. — Trong quốc-dân An-nam ta buổi nay, đời người như ông, cũng là tạm đủ. Chỉ nghĩ về trong khi tôi cùng ngồi nói chuyện với ông Diệp-văn-Kỳ ở trong Nam, ông Kỳ nói :

"Nước An-nam năm trăm năm mới lại có người như ông Bạch-thái-Bưởi."

Tiếc thay!

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

1. — Tầu thủy ở Hanoi đi Hòa-Bình, nguyên không có ghé ở bến làng Khê-thượng; bến tàu là Hạ-bì và La-phù, đối ngạn với làng Khê mà sẽ chếch trên dưới một quảng.

2. — Khi nhà tôi cho tôi ra tỏ lời cảm tạ, ông nói : trong học nho bây giờ, còn có như ông cụ đó cũng ít».

Văn-Đàn

An-Nam tạp-chí lại ra lần thứ năm, cảm tác

An-mam tạp-chí từ khi mới ra ở Hàng Lọng, năm đó là năm dần; đến kỳ này ra ở Hàng Bông là thứ năm, mà năm nay là năm thân, tính ra vừa bảy năm. Trong bảy năm giời đó, các báo ra sau mà đều đã qua khuất, thực có không ít. Nghĩ như An-nam tạp-chí, người chủ-động là tôi, bần tiện hủ bại, đủ các nhẽ kém người, tưởng như không đáng giữ vững được là phải; vậy mà nghỉ rồi lại ra, có đinh-đốn, vẫn có tiến-hành, đó chẳng là nhờ ở Chính-phủ có rộng lượng, và khí thiêng của sông núi, cảm-tình của quốc-dân, phù-hộ quyến-trú, cho được như thế ru? Vậy có thiên cảm-hoài.

Thần-chung im tiếng phương nam;
Phổ-thông xứ Bắc ai làm tác hơi.
Duy-tân thôi đã cũ rồi;
Đông-tê lại cũng dí dời đàng mô!
Khóc ai; riêng những mừng cho,
An-nam tạp-chí ru-đồ còn đây.
Mới xưa Hàng-Lọng cờ bay.
Thứ năm lại có phen nầy Hàng-Bông.
Cuộc đời xoay đổi lung-tung,
Mà trong Báo-giới tranh hùng những ai?
«Thức lâu mới biết đêm dài,»
Tiền chưa mạnh sức, mà tài cũng thua!
Hơn nhau một bức ru-đồ,
Khí-thiêng sông núi hộ-phù nước non.
Hơn nhau một tấm lòng son,
Cho người chung nước chung non chung tình,
Đêm thu gió thoảng bên mình,
Sạch đem trăm sự bất-bình thổi xuoi
Bút hoa chép một đôi lời,
Đưa ai bốn bể là người tình chung.
Đi về xin nhớ Hàng-Bông.

NGUYỄN KHẮC-HIẾU

* * *

HÁT NÓI

Nhớ ông Gia-cát sáu lần ra Kỳ-sơn.

Ngồi buồn nhớ truyện người xưa,
Nhớ ông Gia-Cát bây giờ nơi nao?
Sáu phen ức-phạt họ Tào,
Kỳ-sơn chí-khí anh-hào nghìn thu.

六出祁山諸葛亮
Lục xuất Kỳ-sơn Gia-Cát-Lượng,
Tấm trung-tình chói sáng cõi nhân-hoàn
Biểu xuất-sư hòa giọt lệ chan chan,
Bao xiết nghĩ giang san cùng âu-chúa. (1)
成敗興亡原有數
Thành bại hưng vong nguyên hữu số;
爭雄割據可由人
Tranh-hùng cát-cứ khả do nhân.(2)

Cuộc trần-ai còn có sức kinh-luân,
Sao đã chịu tam phân hình đỉnh-túc. (3)

英雄自古難知足

Anh-hùng tự cổ nan tri túc,
Kẻ làm chi vinh nhục nghĩa hư-vô. (4)
Diệt Tào rồi sẽ thôn Ngô. (5)

Tản-Đà

1.— Ông Gia-Cát hai lần dâng tờ biểu lên vua, xin ra quân đánh Ngụy, trung thanh khẩn thiết, hình hiện ở lời văn. Người đời sau có câu nói rằng : « Đọc bài biểu xuất-sư của ông Gia-Cát mà không rỏ nước mắt, tất là người bất trung. » — Ấu-chúa 幼主 là ông vua bé, tức nói ông Lưu-Thiện (con ông Lưu-Bị).

2. Hai câu thơ này, đại-ý nói số-vận của một quốc gia thời hay dở có giới ; công việc của người anh-hùng thời làm lấy tự người.

3.— 三分鼎足 là chia ba hình chân vạc, tức là hình-thế ba nước Ngụy, Thục, Ngô lúc ấy.

4,— Câu thơ đây, nghĩa là : Tâm-lý của người anh-hùng, khó biết thế nào là đủ. — Biết đủ thời không nhục 知足不辱, là chữ của Lão-tử.— Lý-thuyết của Lão-tử, tức là phái hư-vô, 虛無, không lấy sự thực-hành làm quý.

5.— Diệt Tào 滅曹 là tắt bỏ họ Tào thôn Ngô 吞吳 là nuốt nước Ngô, câu này là nói cái chí-thú ông Gia-Cát

* * *

Qua cau Hàm-Rồng cảm-tác

Nguyên từ khoảng mùa xuân năm nay, An-nam tạp-chí còn đương tiến hành ở H Khoai, tôi đi chơi vào Vinh, tính việc ra sách của Tản-Đà thư-cục, qua cầu Hàm-Rồng Thanh-Hoa, có bốn câu cảm-tác, đã đăng ở Tạp-chí số . . . rằng :

Hôm xưa chơi ở Dương-quì,
Trắng phau ngựa trắng ! xanh rừng xanh !
Hàm-Rồng nay lại qua Thanh,
Dưới cầu nước biếc in hình thi-nhân.

Sau đến tháng Juillet mới đây, An-nam tạp-chí ở H. Khoai tạm đình, tôi lại đi chơi vào Vinh, để chù-tính về sự in của Tạp-chí ; qua cầu Hàm-Rồng, lại có ít câu nối theo bốn câu trước :

Người đâu? sương tuyết phong trần,
Non xanh nước biếc bao lần vẫng lai.
Rư-dồ còn đó chưa phai,
Còn non còn nước, còn người nước non.
Ruột tằm dù héo chưa ron,
Tơ lòng một mối xin còn vấn-vương.
Nước non muôn dặm đường trường,
Hỡi ai "rau sắng chùa Hương" biết cùng ?
Trăm năm nặng gánh tang-bồng,
Lửa than càng đốt, cho lòng càng son.
Cảnh còn biếc nước xanh non,
Đầu ai trắng tóc, duyên còn thắm tơ.
Để ai thương, nhớ, đợi, chờ,
Mà ai đi mãi ! bao giờ đến nơi ?

(Còn nữa, khi khác lại qua cầu Hàm-Rồng, sẽ lạ có nối)

TẢN-ĐÀ

THI ĐÀN GIẢNG TẬP

Cùng ông Tản-Đà về bài thơ "Vịnh bà Triệu" trong số 42, 43 và 45

Trước hết tôi phải thú thật rằng: một đoạn trên bài bình-luận của tôi về bài thơ "*Vịnh Triệu-Ẩu*" của ông cử Dương Tuyết-Huy, thật là không được xác-đáng; quả như lời ông bảo là không dụng công. Lỗi đó tôi xin nhận.

Bởi khi ấy tôi chỉ chú ý vào hai điều dưới: 1· Biện minh về chữ "*Ẩu*"; 2· bẻ chữ "*vú*" ở câu thứ ba. Vì thế mà mấy lời bình-luận ở trên có sơ-hốt nhiều, mà đến không được xác-đáng! Câu thứ nhất, hai chữ "*Lô, Tản*", thật tôi không nghĩ ra; khi ấy chỉ suy ý ông cử Dương mà cho là sông núi nước Nam mà thôi! Câu thứ hai thì rõ ra nói một người đàn bà, mà chưa rõ ai Câu thứ năm không thể coi là một câu thơ, duy tôi chỉ nói qua là nặ-nọt, gò-gẫm mà cầu-kỳ. Câu thứ sáu, thì chỉ là đặt lấy trôi bài. Tôi chỉ nói qua-loa mà không bình-phẩm cho rõ-ràng. Nay ngẫm ra thật là vô vị. Vì đã gọi là bình-luận thì không thể ấp-úng được. Câu thứ tám, ông cho là «*vịnh bậc anh hùng mà nói đến ý nghìn thu, rất là tầm-thường*», điều đó tôi xin chịu là cạo-kiến

Bản-ý tôi như trên đã nói, là chỉ cốt có hai điều: 1· biện minh về tên bà "*Triệu*"; 2· bẻ chữ "*vú*" trong câu thứ ba. Điều trên được ông biểu đồng-tình, thế là tôi thỏa ý. Điều đó có quan-hệ đến quốc-sử. Điều thứ hai, ông cho câu của ông Tuyết-Huy là hay, thì tôi chưa dám nghe dạy. Nếu dùng ba chữ "*ba thước vú*" để tả hình dáng bà Triệu thì tôi xin chịu; nhưng cái nay, ông Tuyết-Huy cho là bà "*vùng-vẫy bằng ba thước vú*" thì quả là vô nghĩa. Dù thế nào, ba chữ "*ba thước vú*" cũng không thể đi theo hai chữ "*vùng vẫy*" được. Như câu đó, quả là không biết phép đặt câu! Tôi chữa chữ "*vú*" làm chữ "*kiếm*", mà ông cho là vịnh ông Bái-Công ở sử Bắc! Nhưng tôi nghĩ rằng: chữa thế thì câu văn mới khỏi thành ra vô nghĩa. Vả nếu có thiệp đến tích ông Bái-Công chăng cũng không làm sao. Vì ta có thể mượn chữ ma dùng được cả. Dù sao, nó cũng còn hơn câu "*vùng vẫy non sông ba thước vú*" rất là ngô-nghê, rất là vô nghĩa-lý. Nay nếu bỏ ba chữ "*ba thước vú*" đi, sợ không có gì mà vịnh ba Triệu nữa, thì phải đổi bỏ hai chữ "*vùng vẫy*" đi, mới

được. Cứ như lời giảng câu ấy ở số 45, tôi thấy rất là khiên-cưỡng. Xem như câu: "*Vú dài ba thước, cời đâu voi*" thì dù chẳng có chữ "*người*" mà ai cũng phải nhận nghĩa rằng: "*cái người vú dài ba thước, cời trên đầu voi*". Chư như câu: "*Vung-vẩy non sông ba thước vú*" mà nhận là cái người vú dài ba thước vung-vẩy non sông, thì thật là giải gượng quá.

Nay xem bài của ông sửa lại ở số 4[illegible], duy một câu thứ ba, tôi vẫn khôn dam linh giáo; còn câu *phá*, câu *thưa*, tôi phải chịu là lời lời châu ngọc. Tôi ném hon đất đi, mà được hòn chì ném lại cho, thật tôi lấy làm khoái ý lắm thay!

Tới số 45, ông lại đổi bỏ hai câu *ba, bon*. Nhưng tôi xem như hai câu ấy cũng rất là chưa ổn. Bốn chữ "*chan đỏ quấn ngang*" và bốn chữ "*rừng xanh nhô giọc*" chưa thấy gì là thật hay; huống hai chữ "*nhô giọc*" lại có ý kém lịch-sự.

Đến hai câu năm, sáu, cứ hai câu ở số 44 có lẽ còn thông hơn hai câu ở số 45. Câu năm ở số 45 vừa rồi, một chữ "*quang*" thật cũng chưa được. Nói kỹ ra thì cả bốn câu ấy thật chưa có thể gọi là hay. Một bài thơ vịnh bậc anh-hùng,

CHÚ Ý!!

Phàm các Ngài mua báo năm ở hàng Khoai, đã giả đủ tiền trước, Bản-chí xin gửi tiếp cho đến đủ số tiền của các Ngài. Sau này Ngài nào có mua, xin lại cũng theo như lệ mới.

Phàm các Ngài mua báo năm, hoặc nữa năm ở hàng Khoai, đã giả vừa đủ tiền, Bản-chí xin gửi theo số 1 mới đây, để trình các Ngài biết. Ngài nào lại có mua, xin có gửi tiền mới.

Các Ngài mua báo năm, hoặc nữa năm mà chưa có giả tiền; Bản-chí xin gửi theo số này, xin các Ngài gửi trả số tiền cũ cho và Ngài nào có mua, xin có thư và gửi tiền...

Nay-kính. **An-nam**

phải khiến người đọc đến mà như thấy cái khí-tượng, cái uy-linh của bậc anh-hùng ấy, mà sinh lòng hâm-mộ sùng-bái. Như bốn câu đây, chỉ gọi là thông được thôi.

Đến câu kết, tôi thật cũng chưa thể lấy làm hay. Câu bảy ở bài trước, ông cho là có thể đem mà nói vào tất cả các bậc anh-hùng thất bại; song, như hai chữ «*thua được*» ở câu ấy, nghe còn là xuôi hơn. Đến như câu của ông «*Thua được cũng cho Ngô biết mặt*» thì quả là rất kém. Chính là hỏng vì hai chữ «*thua được*» đó. Bà Triệu khi khởi nghĩa, chắc trong bụng

chỉ lấy việc cứu dân, cứu nước, là nghĩa-vụ nên làm, chứ không nghĩ gì đến sự thua, được.

Nếu có nghĩ, cũng là chỉ nghĩ đến sự được, chứ không có nghĩ đến sự thua. Nay đọc câu trên này thì rõ ra khi Bà bắt tay vào việc đã cầm bằng hai chữ «*nhất*» rồi! Có nhẽ đâu bà lại làm liều đến như thế?

Câu thứ tám của ông: «*Lam-Sơn còn có kẻ tài trai*», cứ sức học nông hẹp của tôi, quả thấy là bông-lông. Vua Lê-Thại-Tổ dẫu cũng là người Cửu-chân, cùng quận với bà Triệu; nhưng bà Triệu biết sao được việc một nghìn năm về sau, sẻ có ông Lê-Lợi nối chí mình? Vả câu đó, ngẫm nghĩ cho kỹ, lại còn tỏ ra ý trọng nam rẻ nữ nữa! Tôi thường nghĩ rằng: Học giới nước ta xưa. theo cái thuyết «*âm dương cương nhu*» mà có cái tư-tưởng quí trai rẻ gái; cái tư-tưởng ấy thường phát-hiện ra cả thơ văn. Nghe Tiên-quân dậy rằng: Khi xưa ông Tú Ngô-Cát vịnh sử, đến đoạn sự-tích bà Triệu, có bốn câu rằng:

Vú dài ba thước vắt lưng,
Cỡi voi đánh trống, trong rừng kéo ra.

Ra tay gánh vác sơn-hà,
Cho Ngô biết mặt đàn-bà nước Nam.

Vua Dực-Tôn phán rằng: Nếu vậy thì nước Nam ta không có đàn ông ru?— Câu nói đó tỏ ra ý trọng nam khinh nữ— Lại trong *Nam-sử diễn ca* về trận hai bà Trưng đánh . Mã-Viện ở hồ Tây mà có hai câu rằng:

Hồ Tây đua sức vẫy vùng,
Nữ-nhi chống với anh-hùng được sao?

Hai câu đó chính ông đã bình-phẩm tới ở Hữu-Thanh khi trước đó, tôi cũng nhận thấy có ý quí trai rẻ gái! — Tôi lại nhớ trong Nam-phong cũ, có bài vịnh bà Triệu mà hạ đến rằng:

Vú dài ba thước cỡi đầu voi,
Cái gái nhà Nam khéo nảy nòi (!!!)

Cớ sao vịnh thơ tán-dương bà Triệu mà lời lại nghe như có ý chê bai, chế riễu? Sự đó chính người vịnh thơ kia cũng không tự biết. Bởi là óc người nước ta đã thâm nhiễm cái tư-tưởng trọng nam khinh nữ kia, dẫu người sống ở thế-kỷ hai mươi này, ngày thường vẫn nghe tán dương nam nữ bình quyền, vẫn nghe hô-hào phụ-nữ giải phóng. Vậy mà chưa đã gột rửa được cái tư-tưởng lưu-truyền từ xưa kia đâu; nên trong lúc vô tình, cái tư-tưởng ấy lại lộ ra! Thật vậy!

Nay đọc câu « *Lam-Sơn còn có kẻ tài trai* » thì ra chỉ có tài trai là mới làm nổi được việc oanh-liệt ấy, còn « *nhi-nữ* » thì quyết là bất tài? Như thế thì đối với bà Triệu chẳng là đường-đột lắm ru?

Theo tôi thì hễ thấy ai làm được sự-công hách-dịch, tôi đều khen là « *người giỏi* » mà không dám chia ra nam với nữ; vả nói giống ta cha Rồng mẹ Tiên thì chẳng những « *trai hay ma gái cũng tài* » đó!

Vậy như hai câu bảy, tám của ông, xin đổi lại là:

Một trận ra oai, Ngô mất vía,
Rồng Tiên nòi giống thiếu chi người!

Xin ông cho rõ tôn-ý?

Trực - Viên
PHẠM-VĂN-NGHỊ

***

Kính đáp lời ông Phạm-văn-Nghị trên đây

Theo như lời giảng-tập của ông Phạm-văn-Nghị trên đây, tôi xin kính đáp ông về những câu thơ của tôi trong bài "*Vịnh bà Triệu*" rằng:

Hai câu *tam, tứ*, nhân mỗi câu có ba chữ dưới của ông cử Dương mà tôi muốn cố đặt cho thật ra bà Triệu. Ở sử chép bà Triệu, có bà chữ 著 金 褐 *Trước kim cát*. 褐 là *thứ vải có lông*; 金 là *sắc vàng*; 著 là *mặc*, là *bận vào mình*. Nghĩ ra, tức như các *cô nàng* ở Hòa-bình vẫn quấn cái phá-lào ở ngang chỗ ngực, là để che giữ hai vú vậy. "*Chiên đỏ quấn ngang*", bốn chữ đó tức là lấy nghĩa ở ba chữ "*trước kim-cát*" mà mong được tả chân ra bà Triệu; mà chữ "*chiên*" đó, chớ không phải là chữ "*chăn*". — "*Rừng xanh nhổ giọc một đầu voi*" thời tức là bóc ở câu "*cưỡi voi đánh trống trong rừng bước ra*" ở trong *Nam-sử diễn-ca* vậy. Nhân câu trên có chữ "*đỏ*", cho nên câu dưới đặt chữ "*xanh*"; nhân câu trên chữ "*ngang*", cho nên câu dưới đặt chữ "*giọc*". Nay cứ ý nghĩa riêng của một câu mà nghĩ tưởng tượng cái khi bà Triệu cưỡi voi ở trong rừng đi ra, tất là con voi đó đi *giọc* mà *nhổ* cái đầu ra trước, cho nên như hai chữ đó, cũng là tả chân mà càng tỏ ra được cái khí-thế uy-mãnh vậy. Cứ ý tôi như vậy, còn sự hay dở thời ở người phẩm-bình.

Câu thứ *năm*, "*trăm năm chan gối quăng lòng tục*", cũng là lấy nghĩa ở hai chữ « 不 嫁 » "*bất giá*" (chẳng lấy chồng) ở trong sử, bà Triệu khác bà Trưng ở chỗ đó, mà khác hết thường-tình của nữ-nhi ở chỗ đó. Một chữ "*quăng*" trong câu này, tức là chiếu xuống chữ "*gánh*" ở câu dưới mà dụng công, nghĩa là quăng bỏ cái lòng chăn gối đi, để

gải h lấy cái nợ non sông vậy. Phàm-hai câu thơ, như *tam, tứ, ngũ, lục,* vẫn là cần phải đối trỉnh; song nếu câu nào đi riêng nghĩa câu ấy mà không truyền tiếp với nhau, thời tức là phần linh-động có kém. Cho nên tôi thường riêng nghĩ như bài thơ "*vịnh Kiều*" của tôi năm xưa, hai câu ngũ lục: "*Tổng-đốc có thương người bạc-phận ; Tiên-đường chưa chắc mả hồng-nhan*". nhiều người cho là được hơn các câu khác, có lẽ cũng vì là hai câu đi luôn một hơi vậy. Chữ "*quang*" và chữ "*gánh*" trong hai câu ngũ lục đây, cũng là ý tôi muốn đặt lấy cho hơi có truyền-tiếp ; cho nên vì chữ "*gánh*" mà trên đặt chữ "*quang*". — Vả chăng thơ vịnh bà Triệu, lời nên thô mạnh mới là hợp; chớ không như nói người khuê-tú mà chuộng sự thanh tao. Hai chữ «*nhô giọc*» ở trên kia cũng vậy. Đầu đề khác thường, thời lời thơ cũng phải khác thường xin ông thử nghĩ.

Còn như hai câu *thất, bát,* lời và ý đều của Tác-giả, chớ không phải thuật ý bà Triệu. Câu trên, cốt lấy chữ ở sách cho được thiết-thực mặn-mà ; câu dưới thời nói về hậu-vận của nước nhà, tưởng chính là lối thơ vịnh sử vậy. Hai chữ "*tài trai,*" ánh lên đầu đề, càng để tỏ rằng người đó là người trong nữ-lưu.

Nhân ông Trực-viên có hỏi, thời tôi cũng phải xin thưa rõ như vậy ; còn như về phần người làm thơ, không bao giờ ai dám nhận bảo của mình là hay.

TẢN-ĐÀ

* * *

HÀI VĂN

Phong-thi

(Đưa người nhà quê)

Ai ơi, dợi với tôi cùng;
Tôi còn bối-rối trong vòng tơ vương.
Bao giờ sạch nợ van-chương ?
Đèn khuya chung bóng ta thương lấy mình !

TẢN-ĐÀ

Đài-gương lại mới ra đời,
Nhắn ai trong nước những người đài-trang.
« Nhiễu điều phủ lấy giá gương ! »

ĐÀI-GƯƠNG-KINH

THỜI-ĐÀM

Nguyên-nhân thất-bại của các Báo-quán

Ngạn-ngữ có câu rằng: « *Chết mỗi người mỗi tật.* » Các báo-quán thất bại cũng vậy. Trong sách thuốc nói bệnh, có chia ngoại-cảm và nội-thương; các báo-quán thất bại cũng đều có các trưng bệnh như vậy. Nay nói về nguyên-nhân thất-bại của các báo-quán.

Sự *làm báo* ở nước ta nguyên vẫn là khó, thời sự thất-bại của các Báo-quán cũng chẳng lấy gì làm xấu ai. Song nếu xét mà thấy được các nguyên-nhân, thời những ai qua trước đã dành, mà những ai ra sau hoặc cũng có tránh được những cái hại. Tôi chính là người trải nhiều phen thất-bại trong báo-giới, nên có xét biết được đôi ít, vậy cứ theo sự biết mà nói; còn những nguyên nhân phức-tạp khác mà tôi không biết đến, mong các bạn đồng-nghiệp cùng lưu ý xét tới, để cùng nhau phòng giữ, có lẽ cũng là một việc chung.

Vì các nguyên-nhân thất-bại ấy, rất là phức-tạp, xin tạm mượn chữ sách thuốc «*nội-thương*» và «*ngoại-cảm*», chia ra mà nói về hai trưng bệnh của các Báo-quán.

Phàm người mới đứng ra can đảng một tờ báo, không cứ là có nhiều tư-bản hay có ít tư-bản, có nhiều học-vấn hay có ít học-vấn, đều sẵn có một cái tâm-lý tự-căng tự-đại, tưởng tượng như tờ báo của mình mà xuất bản, sự phát-đạt có thể kỳ-vọng đến như những thế nào. Do một cái tâm-lý ấy mà hành-động, cho nên trương-hoàng chỗ Báo-

quán, sự phí-dụng đều theo cách rộng-rãi; giao-tế với xã-hội, sự thù-tiếp đều theo cách phong-lưu; các số đầu mới ra; sự xuất-bản đều theo cách dư-dật. Họp các sự hành-động như thế, cho nên, trong mấy tháng ban đầu của các Báo-quán, chi-nhu hết số tiền khá to. Báo ra mấy tháng mà tiền ngoài chưa về, ông quản-lý đã có vẻ nhăn-nhó. Nội-tình đã thấy lúng túng thời công việc cũng nhân đó lộn-xộn, bài vở nhân đó cẩu-thả, các nhân-viên trong báo-quán nhân đó chễ nãi. Khi đó, cấp-bách về sự đăng báo để đòi tiền, mà cảm-tình và thành-thế đối với bên ngoài đều đã tỏ ra vẻ xuy kém. Người chủ-động, muốn bỏ tiền ra nữa thời sợ lại mất thêm, không bỏ tiền ra nhanh thời báo phải ra chậm; cái tấm ảnh của ông chủ nhà in lại như thường đứng ở trước Báo-quán, giục cho linh-hồn của Báo-quán phải sớm sớm liệu đường mà đi. Bệnh-tình đã nguy, có kẻ thời cứ thế mà lịm đi; có kẻ lại cố ý làm ra hăng-hái để mua lấy cái tiếng đóng cửa. Ôi thôi, đã chết, thế nào cũng là chết; dẫu chết lịm, hay chết rẫy, cũng không hơn kém nhau là bao nhiêu. Đó là một phần nguyên-nhân của các báo-quán thất bại mà la về số nhiều.

Phàm trong một báo-quán, thật người đứng làm mà tự cầm bút viết bài và xem xét cho được thấu đáo, tóm lại số ít. Những người viết, phần nhiều là các tay chợ-bút trong tòa báo, cùng là các bạn lại-cảo ở xa gửi bài về, sự sống chết của báo-quán không quan-thiết đến tự mình là mấy, cho nên trong khi viết sinh bút tung-hoành, miễn sao cho được tỏ tấm can-tràng hăng-hái để đối với đồng-bang, ấy là cái hứng-thú của sự viết. — Lại phàm sự viết bài, có khảo xét, có xuy-nghĩ, có cân nhắc, thời tất phải là người có khá nhiều học-vấn mà chịu tốn mất nhiều công-phu; như sự nấu rượu có nhiều chất gạo mà rồi mới nhờ hơi ở men, thời cái sự ngon của nó mới thật có chân-vị. Nếu gạo ít mà muốn cất lấy cho nhiều rượu, lại muốn cho rượu được ngon nữa, thế tất phải nhờ ở hồi-hồi bỏ kết, bỏ vào cho lắm, mới có thể làm cho người uống thấy xông hơi. Song mà những vị đó là vị độc, không những hại cho người mua, mà quay lại cũng hại cho người bán.

Nguyên-nhân thất-bại của các báo-quán, chỗ đó cũng lại là một phần, mà phần ấy thuộc về số ít.

Giở lên hai cái nguyên-nhân, tức trong sách thuốc gọi là «*nội-thương*».

Phàm một báo-quán mới ra đời, từ người chủ-động cho đến các nhân-viên, ai nấy đều mong cho có được rất nhiều độc giả, vậy mới nhờ người cổ-động, giới thiệu, cho được có nhiều người mua năm; thăm hỏi các nơi, tìm cho được có nhiều cho để gửi bán đại-lý. Mỗi kỳ báo xuất-bản, nào viết băng, nào bó cuốn, tập-nập để gửi đi. Nếu số báo gửi đi ấy mà đúng kỳ có tiền về, thời có lẽ không báo-quán nào đến nỗi chết. Song mà sự kỳ-vọng đó mười phần hẳng sai đến sáu bảy, bạn Độc-giả được như ông Vũ-văn-Lễ ở Hưng-Yên, ông Nguyễn-văn-An ở Vũ-Lao (1); bạn đại-lý được như ông Nam-Tân ở Hải phòng, ông Hồ-văn-Ba ở Quinhân. . , bạn *giới-thiệu* được như ông Nguyễn-công-Hoan ở Hải-dương, ông Phó-đức-Thành ở Vinh, ông Nguyễn-hữu-Xước ở Hanoi : trong mười phần ít thay!

Một số tiền mua năm, ở mỗi vị Độc giả không là mấy; mà ở Báo-quán tính góp lại, nếu được một số đông các ngài cùng tiếp tục có giả, đã được một khoản tiền chi-nhu; song mà có ngài vì ở xa nhà giây-thép, có ngài vì lám việc quên nhãng, có ngài vì là chỗ tình-thân, cho nên số tiền báo chậm gửi. Độc-giả thì xa, mà nhà in thì gần, Báo-quán muốn cho sống, thực khó. Lại các ngài đại-lý, hàng hiệu bề-bộn, tính toán mất nhiều thì-giờ, cho nên tiền bán báo cũng nhiều ngài chậm gửi. Tiền mua báo chậm

(1) Ông **Vũ-văn-Lễ**, hiện chức Huấn-đạo Yên-mỹ ở Hưng-yên. Khi trước ở Bờ-hồ, ông mua báo hạn nam, đã giả tiền; về Nam-định, ông lại có giấy mua mà lại giả theo số tiền mới; số tiền Nam-định cũng chưa hết, ông lại có giấy mua ở h. Khoai mà lại có giả số tiền mới. Đó thời biết cảm-tình của người ta, không hạn vì giấy mực vậy.

Ông **Nguyễn-văn-An**, Giáo-sư trường Vũ-Lao, thuộc châu Văn-Bàn Yên-bái. Từ Vũ-Lao ra Văn-Bàn, đường đi ngựa một ngày; từ Văn-Bai ra Bảo-hà, đi ngựa lại một ngày; từ Bảo-hà về Yên-bái, nửa ngày xe hỏa. Vậy mà tạp-chí từ Hanoi gửi lên ông, tính chưa đầy mười ngày, đã thấy có mandat của ông gửi về đến Hanoi, đính theo cả số tiền mua của ông chánh-tổng Vũ-Lao là m. Trương-văn-Chu. Đó thời biết cảm-tình của người ta, không hạn cách chỗ ở.

gửi, tiền bán báo cũng chậm gửi ; báo-quán muốn cho sống được, thực càng khó. Đó thời là cái bệnh *ngoại-cảm* của các báo thất-bại, mà thực là một phần nguyên-nhân rất lớn vậy.

Kỳ sau đây, trong An-nam tạp-chí, sẽ xin đem cái tường-tình thất-bại ở Hàng-Khoai, cả ngoại-cảm và nội-thương, cung chư Độc-giả. Các Độc-giả, ai đã giả tiền thế nào và những ai chưa giả tiền, xin nhất nhất có đăng ở Tập-chí, để chư vị cùng hay ; tưởng cũng là một việc hiện thời vậy.

NGUYỄN-KHẮC HIẾU.

Bản-chí có tiếp quyển

HÁN-VIỆT TỪ-ĐIỂN

QUYỂN THƯỢNG

Của Quan-hải thư xã chủ nhân gửi tặng. Sách dầy 592 trang. Khi nao xem được tường, xin sẽ có lời bình-phẩm và giới thiệu rõ với Độc-giả. *An-nam tạp chí.*

Ảnh phóng-đại Mỹ

Từ nay các ngài không cần phải gửi đi xa mà cũng được ảnh rất đẹp vì đã có người mình chuyên môn làm rất khéo, giá lại rẻ, tiện cho các ngài không phải chờ đợi lâu. Dù ảnh đã cũ mờ hoặc sứt lở cung có thể làm lại được như mới. Các ngài muốn thay đổi Fond : như trắng đen, salon, paysage v. v. hoặc thêm bớt người như : (hai người ở hai ảnh làm chồng vào một, nửa người cả người mà không thể ai ngờ được.

Giá một bức ảnh phóng đại 30×40 cả khung kính 5$00

Khổ ảnh	Khuôn khung	Có khung	
			Làm couleur tính thêm 30%
24x30	2$00	3$50	
30x40	3,00	5,00	postal 50%
40x50	4,50	6,50	
50x60	5,00	7,00	Những ảnh đã mờ hoặc sứt lở
60x1m	8,00	12,00	thêm 1$00.

Khung ảnh làm bằng gỗ lát—teck đánh vernis tampour theo kiểu mới, có rất nhiều kiểu để, để treo ảnh sous verre từ 24×30 trở xuống. Các ngài muốn dùng theo kiểu catalogue xin đính thêm cả timbre 5 cents. *Ở xa các ngài gửi kính ảnh hoặc muốn thương lượng điều gì xin đề về :*

PHOTO PIERRE NINH

HAIPHONG — *175, Avenue Paul Doumer* — **Téléphone 426**

Mới có làm nhà chụp kiểu mới, lấy được nhiều ánh sáng rất đẹp

VỚT CỦI

Sông Đà-giang ở Bắc-Kỳ, một tên là Hắc giang chữ Tây là Rivière noire; tục thường gọi là sông Bơ, lấy vì có chảy qua tỉnh Bơ. Con sông ấy truyền vào hạt Sơn-tây, qua chỗ Đá-chông, xuống đến gềnh La-phù, bờ bên tả là huyện Thanh thủy, thuộc tỉnh Hưng hóa; bờ bên hữu là huyện Bất-bạt, Sơntay. Khúc sông đó mỗi mùa nước to, ngập cả hai chân vở; người đứng ở mạt đê bên nọ mà trông sang bên kia, không con thấy trâu ngựa, chỉ thấy một làn cây xa xanh biếc như vệt lông mày thủy của ai người mỹ-nhân. Đoái trông vào bên trong con đường đê của hạt huyện Bất-bạt, có thôn cư, đó là chỗ quê hương của anh chàng vớt củi trong truyện này. mà mạn trong tây-bắc ngất giời cao, thời ấy là cõi Tản viên vậy.

Một khúc sông Đà đó, mỗi mùa nước, nhất là tối hôm trước mưa to gió lớn, sáng hôm sau dầy sông chôi củi, cái lớn có thể sẻ làm đ rợc nhiều tấm ghế ngựa. hoặc có thứ gỗ quí, như vang-tâm; những cái bé, thuôi thuổi như cột nhà, nho nho như ống thổi, gỗ, nứa, bương, sậy, cành, lá, ngọn, gốc, ngang, giọc, chìm, nổi, loạn giong sông cùng chôi. Tưởng như quân Tào-Tháo sang đánh Đông-Ngô. chưa dữ mạnh đến như thế! Mỗi lúc ấy, người trong làng tủa ra vớt củi, sự đông vui thực có hơn đám hội. Đàn ông, con trai, những người mạnh sức, thời hai người cùng đôi một chiếc thuyền nhỏ, có đem theo mộ. cái cò sắt, có giây thừng đi ngược mãi lên mạn trên giòng sông, rồi thả thuyền bơi ra. Phàm gặp những củi gỗ thuôi thuổi, có thể vớt mà khuân lên thuyền được, thời lấy dần cho đến đầy thuyền; còn cái cò sắt thời đợi gặp cái củi nào thật như ý, tức những hạng có thể sẻ làm đồ dùng được. hoặc là cây củi rất to, thời đóng cò dòng theo thuyền lôi về. Những cái củi như thế thời ít khi chôi nổi ở mặt nước, phần nhiều chỉ

mập-mờ trông thấy hơi đen đen mà thôi. Sự vớt củi như thế, ít nhà có đủ thuyền và người, phần nhiều phải là chung đụng nhau. Sau khi thuyền củi đem về, chia làm ba phần: một phần huyền, người mỗi người một phần. Những người trai khỏe, nhà không có thuyền, mà gặp khi không chung được với ai, thời hẳng phải đứng ở trên bờ, trông ra ngoài giòng sông, nhằm thấy cái củi nào lờ-mờ mà có thể như ý, thời cởi áo lội bơi ra, lội lấy đem về. Như thế thời phải là hạng người thật có sức, như các ông đô-vật trong làng vậy. Những đàn bà, con gái, trẻ con, bà lão, không có sức ra giòng sông, thời ai nấy đều có một cái sào bằng nứa, mỗi sào nứa ở đầu đều có buộc một cái ngoèo bằng tre, đứng liệt hàng ở trên bờ sông, thấy những cái củi nào chôi gần bờ thời đưa sào ra mà ngoèo vào. Như thế mà kiếm được cũng khá củi. Cho nên mỗi mùa nước, những nhà có vật-lực, tức là có thuyền và có người, thời đống củi chất lên ở sân trước, sân sau, đều như thể cái núi; những nhà kém, cũng có củi đun được ít lâu. Cho nên mỗi năm mùa nước to, người trong làng coi là vụ củi.

Cách nay chừng khoảng mười lăm năm, trong thôn đó có một nhà thi-sĩ, sinh-nhai bằng thơ văn, đêm đêm đóng cửa làm văn, thường ngâm nga suốt sáng. Một đêm, chính cũng về mùa nước, giời gần sáng, thấy mưa gió dữ-dội. Êm cơn gió, giời vừa sáng, nghe người làng gọi nhau đi vớt củi, tình-trạng rất náo-nhiệt. Nhà thi-sĩ lúc đó cao hứng, liền khoá cửa buồng văn, cũng theo chúng lên mạn sông, thời thấy người làng đã đầy bờ, những chiếc thuyền ở giòng xa đương nhấp-nhô trên mặt sóng. Củi đầy-rẫy từ thượng-lưu chôi về. Cái hứng thú lúc ấy lại càng thấy cao lắm, anh chàng ta chạy thẳng lên chỗ vở thật trên ngược đứng nhằm thấy một cái hình chôi mập-mờ thật to mà đen, cách vở sông chừng độ ba sào nứa. Nhìn đã rõ, anh ta cởi quần áo bơi ra, thời quả là một cái gỗ rất to, mà hình thể như sao thời không biết được rõ. Trong cơn đắc-ý, anh chàng hết sức vẫn vào, lúc bám ở bên trong mà lội, lúc để ở bên ngoài mà dụ. Người và gỗ, theo giòng nước chôi xuôi thật nhanh, mà phần truyền vào bờ thì thấy không được mấy; vì nước to, gỗ lớn, mà người không cả sức vậy. Tuy vậy, có lúc có đầy thời

cái gỗ cũng phải có truyền, dần dần vào cách bờ chừng con một sào nứa, sức nước càng mạnh, sự chôi xuôi cũng càng nhanh, thế như khó truyền cho vào đến bờ được. Người trên bờ đứng xem, ai nấy lấy làm rất nguy hiểm, kêu anh chàng ta phải buông bỏ cái gỗ ra, mà y cứ một mực lội rồi lại đẩy. Anh ta kêu chúng ở trên bờ đưa con sào nứa ra cho để nắm, để nhờ chúng lôi vào. Không ngờ cái áo nứa đưa ra, anh ta vừa nắm tay, bị sức ở cái gỗ lôi xuôi, vội vàng rập nứa mà tay tóe nhiều máu. Ấy là một tay bên phải đã phải buông con sào nứa ra. Còn tay bên trái, y lại kêu chúng đưa sào cho để cầm, cũng lại vội vàng rập vào toé máu như vậy. Lúc đó tình thế thật nguy cấp, người như gần đã hết sức, cứ theo cái gỗ cứ chôi xuôi.

Các người trên bờ không sao bảo hắn ta buông bỏ cái gỗ được, lại cũng không thể đành tâm mà nhìn vậy, chúng nhân cùng chạy theo ở trên bờ. Sau cuối, một người ném ra cho một cái đầu giây thừng, anh ta cầm quấn vào một chỗ vấu của cái gỗ, rồi chúng cùng lôi vào.

Khi đã vào đến bờ, các người cùng níu lấy cái gỗ; còn anh chàng Thi-sĩ thời ngoi-ngóp đi lên, được có người đưa quần áo cho mặc, rồi đi luôn vào trong một chỗ lò gạch ở gần đấy, nằm sóng sượt không muốn thở. Mọi người cùng trông mặt anh ta, trắng nhợt không còn có sắc máu. Chúng hãi, lấy rơm lửa chất đốt ở bên. Hồi lâu, hắn ta đã dạy được.

Anh chàng đó sau lúc đã dậy, đi ra ở bờ sông, để xem cái gỗ của mình vớt, thời thấy là một cái gốc cây rất to, gồ ghềnh những vấu, xét ra như nguyên là cái cây to ở trên rừng, người ta đã ngả lấy làm gỗ, mà đó là còn cái gốc còn lại, lâu ngày, bị nước lũ rũa đất đem xuống, cho nên còn cả vấu rễ vậy. Cứ cái gốc gỗ ấy, nói về sự sẻ thời không thể sẻ được mà dùng làm vật gì; nói về sự làm củi thời bổ ra chẻ được cũng còn khó. Cứ như cái gốc gỗ ấy, ở người khác, có lẽ không ai vớt làm gì; song mà anh chàng đó lấy vớt được làm thú.

Cách truyện đó chừng mươi năm về sau, ở phố Hàng-Lọng Hanoi có một tòa Tạp-chí ra đời, mà người chủ-trương và theo đuổi tờ Tạp-chí ấy từ ấy cho đến nay, tức là anh chàng vớt củi ở bến sông Đà năm ấy năm xưa vậy.

TẢN-ĐÀ

Anh em nhà !!!
Ai là người !!!

Muốn khảo-sát chấn-hưng khoa thuốc ta, muốn hiểu rõ các bệnh-căn người lớn, trẻ con, đàn bà, con gái, không thiếu bệnh nào và những bệnh bí-hiểm không muốn cho người ngoài biết mà chữa lấy *không kém gì Thầy lang giỏi.*

Muốn dùng thuốc ta cho hợp phong-thổ mà không tốn tiền, thì đọc bộ Sách thuốc :

Thầy nhà lá vườn

Của nhà nghiên-cứu thuốc Nam **Hồi-xuân Phạm-dụng-Hanh** mới soạn, bệnh-lý nói rất rành mạch dễ hiểu, Thuốc chữa dùng rặt sản-vật nước nhà rất kinh-nghiệm, thực là pho sách rất có ích lợi cho gia-đình xã hội về đường vệ-sinh và kinh-tế xưa nay chưa từng có.

Trọn bộ 9 quyển.— Mỗi quyển 0$20· Cước 0$13.
Thơ và mandat gởi cho. :

Phạm-dụng-Hanh
10, quai de la Concession Nam-định

Có gửi bán cá· nơi sau này :

Hanội	*Nhật-nam, Nam-ký* *Cầm-văn, Nhật-tân-van*
Nam-định	*Hội-ký, Dương-nguyên, Lạc-dân* *Tân-ninh, Gia-mỹ-Tường*
Hải-phòng	*Nam-tân,*
Hải-dương	*Thanh dương,*
Hà-nam **Ninh-bình** **Thái-nguyên** **Hưng-yên**	*Ích-trí, Lê-đức-Thành,*
Bắc-ninh	*Hưng-long.*

KHÉO NHẤT!

SẠCH SE NHẤT!

Vào một hiệu thợ cạo nhem-nhuốc, dù ai cầu thả cũng thấy ghê được người; Hai cái cung đầu nào cũng thấy khó gương coi chịu. Ở Hà-lem-nhem thành tôi xin dủ nhà giới thiệu các đạo-ông một hiệu thợ cạo vừa khéo, vừa sạch-sẽ là, đó là hiệu

MỸ-LONG

106, Đường Huế

Ai đến đó một lần sẽ thấy rằng không phải tôi giới thiệu cẩn, và e muốn đến đấy cắt tóc ở đấy mãi LE GALANT

KEM ỚT

COI CHỪNG ĐỒ GIẢ MẠO

Chúng tôi chỉ có thể cam đoan được với các ngài rằng thứ KEM ỚT nào có **hiệu "NGÔI SAO"** mới chính là của chúng tôi làm ra

Tổng cục tại Hưng-Yên

Thư từ và mandat xin đề

CHẤN-THÀNH HƯNG-YÊN

NGUYỄN-CẢNH-LÂM & Cie

Phát minh ra KEM ỚT trước nhất đã được nhiều người khen ngợi

NGOI*SAO

THUỐC LẬU HỒNG-KHÊ

Là một môn thuốc ngoại khoa gia truyền ngoại tram năm lại nhờ được sự kinh nghiệm của chung toi trong mười nam nay, đặt phòng riêng truyên môn chữa về bệnh lậu và bệnh giang-mai, nên phát minh ra được nhiều vị thuốc rất hay chế luyện them vào thành một phương thuốc rất hoàn toàn chỉ uống trong bốn tiếng đồng hồ là kiến hiệu ngay, không bắt đi đái giắt không vật vã nhọc mệt không hai sinh dục, đàn bà có chửa cũng uống được. Bệnh mủ phải ra mủ, ra máu buốt tức, hoặc bệnh đã lâu chữa không rứt nọc mỗi khi uống rượu thức đêm, trong người nóng nẩy lại thấy có mủ và xem trong nước tiểu có vẩn, uống thuốc này đều khỏi rứt nọc. Thuốc đã mau khỏi, lại không công phạt, nên được anh em chị em đồng bào tin dùng mỗi ngày thêm đông, cả người Tây người Tàu cũng nhiều người uống thuốc này được khỏi rứt nọc, công nhận rằng không thuốc nào hay bằng thuốc lậu Hồng-Khê. Giá 0p.60 một ống. Bệnh giang-mai tim-la phát hạch lên soài nóng rét lở loét quy-đầu, đau xương, rật thịt, rức đau, nổi mề-đay, ra mào gà, hoa khế, phá lở khắp người, cù-đinh thiên pháo, sắp nguy đến tính mệnh chỉ uống một ống thuốc, là cải tử hồi sinh trong 24 tiếng đồng hồ, không phải kiêng nước, không bốc lên răng, uống thuốc đi làm việc như thường, không hại sinh dục. Cũng 0p60 một ống. Xin mời quá bộ lại hoặc viết thư về lập tức có thuốc gửi giây thép đến tận nơi

HỒNG-KHÊ DƯỢC-PHÒNG

81—Route de Huê (cạnh chợ Hôm) Hanoi—Téléphone 755

男女愛情

SÁCH NAM-NỮ ÁI-TÌNH

là cuốn sách nói về ái tình, sự giao hợp, sự vệ sinh, khi kinh nguyệt, khi có thai, khi sinh đẻ, và khi tật bệnh, thiệt là cuốn sách rất bổ ích cho loài người, xưa nay chưa từng có, mỗi nhà phải nên có một cuốn sách này, sẽ được nhiều sự ích lợi mà tránh được những sự hại, rất là hạnh phúc cho gia đình, sách này của nhà thuốc **NAM-THIÊN-ĐƯỜNG Nam-Định** soan ra, in lần thứ hai giá bán **0$20**. Ai mua một cuốn mà trả bằng timbres poste thì cả tiền cước gởi phải trả **0$36**. Có bán tại Nhật-Nam thư-quán, 26 Coton Hanoi, Nam-Tân, 84 boulevard Bonnal Haiphong, Vĩnh-Hưng-Tường Nghe-an, Quan-Hải tùng-thư Huế, Maison Lê-thừa-Ân Tourane-Marché, Mộng-Lương thư-quán Nha-trang, Bazar Minh-nguyệt à Phan-thiết, Phụ-nữ Tân-van Saigon, Comptoir Vũ-thị-Giang à Vientiane. Bán sĩ có trừ hoa hồng nhiều.

Nhà thuốc **NAM-THIÊN-ĐƯỜNG** cần dung nhiều người làm Đại-lý bán thuốc Cao, Đan, Hoàn, tán ở khắp các tỉnh trong xứ Đông-Dương, aí muốn làm đại-lý, xin cứ gởi thơ cho bản-đương mà lấy chương-trình và sách catalogue.

NAM-THIÊN-ĐƯỜNG

46, rue Bacninh à NAMDINH

Teléphone N° 1-8

CHÈ TA chế theo khoa-học mới !

Nghe đến chè ta, xin chớ vội nhầm chè Ta
uống không bằng chè Tàu

Chè ta có một tính chất quí hóa lạ thường mà chè Tàu không có: *uống vào dễ tiêu, ngủ được, tinh thần khảng sai.* Chè ta của Bản-hiệu ngoài cái tính chất đó còn được *nước xanh, cánh nhỏ, hương vị thơm tho dịu dàng.* Bản hiệu nghiên cứu đã lâu nam ra cách chế theo khoa học mới, cho nên phẩm chè của bản hiệu, quí khách dùng đến qua một vài lần sau không thể bỏ được. Các ngài chiếu cố xin hỏi cho được mấy thứ chè của bản hiệu sau này kẻo nhầm với các tạp hiệu :

ĐỒNG-LƯƠNG, VINH-THÁI, TIÊN-MAI, CHÂN-THÁI, ĐẦU-XẢO.

TỔNG-CỤC, HIỆU **Đồng-Lương, 125, Hàng-Bông HANOI**

CHI ĐIỂM VÀ ĐẠI LÝ :

MỘNG-LƯƠNG THƯ-QUÁN — NHA-TRANG VINH-THÀNH — HUẾ
VĨNH-HƯNG-TƯỜNG — VINH CỰ-THÁI — THANH-HÓA
NGỌC-LÂN — CỰ-THÀNH —
KIM-LỢI-THÁI — NAM-ĐỊNH TÂN-MINH — PHÚ-THỌ
VIỆT-HƯNG — HAIPHONG

書叢局書泛傘

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG-THƯ



Đã có bán :

1 TẢN-ĐÀ VĂN-TẬP quyển nhất (*Luận thuyết loại*) giá. . . . . 0$32

2 THỀ NON-NƯỚC (*Tiểu-thuyết loại*) . . 0, 20

3 KHỐI TÌNH CON thứ ba (*Thơ-ca*) . . 0, 25

4 — GIẤC MỘNG CON thứ hai (1) (*Tiểu-thuyết*) 0, 25

5 ĐÀI-GƯƠNG-KINH (*Trước-tác*) giá. 0, 30

6 TRẦN-AI TRI-KỶ. (*Tiểu-thuyết*) giá 0, 15

Ngại nào mua buôn và mua lẻ các sách của bản-cục in ra trong năm 1932, từ Thanh-Hóa trở vô tới Nam-Kỳ, Ai-Lao, Cao-Men, xin viết thơ về hỏi tại :

Monsieur **Vương-Đình-Châu.**
Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam — VINH

Kính cáo,
Nguyễn-khắc-HIẾU

CÁC NƠI CÓ BÁN AN-NAM TẠP-CHÍ VÀ TẢN-ĐÀ TÙNG-THƯ

HANOI — *An-nam-Tạp-chí báo-quán và các hiệu sách*

Hải-Phòng *Nam-Tân*

Hải-Dương *Dương-Xuân*

Nam-Định — *Hồi-Ký*

Phú-Thọ — *Phúc-Lương-đường, Quảng-Ký.*

Hưng-Yên — *Chấn-Thành*

Sơn-Tây — *Phú-Lương*

VINH — *Châu-Tịnh-ấn-quán và Tam-Kỳ-thư quán*

Thanh Hóa — *Chu-đình-Quán*

Huế — *Quản-Hải thư-xã, Vĩnh-Tường*

Nha-Trang — *Mộng-Lương-thư-quán.*

Qui-Nhơn — *Hồ-văn-Ba*

Saigon — *Tín-Đức-thư-xã*

Sadec — *Trần-văn-Thình*

(còn nữa)

(1) Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc-mộng-con* thứ nhất và *Giấc-mộng-lớn.*

IMPRIMERIE DU NORD-ANNAM

Nhà in Châu-Tinh

là nhà in lớn ở
TRUNG-KỲ

ở VINH



in rất khéo
đã nổi tiếng
giá rất rẻ
in thực chóng



Bán đủ các
thứ giấy bút
mực, sách, vở
đồ văn phòng
giá thực hạ



Có nhiều kiểu chữ mới rất đẹp

Mong các ngài chiếu cố

Directeur Gérant: Nguyên-khac Hiêu

Imp. du Nord-Annam-Vinh